



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

- I** THÔNG TIN CHUNG
- II** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- III** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- IV** ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- V** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VI** BÁO CÁO TÀI CHÍNH

An aerial photograph showing a wide river with several boats, including a large green one and a blue one. In the foreground, there is a large paved area, possibly a port or a parking lot, with many trucks parked or moving. A blue sign is visible in the middle ground, and a blue gate is in the center. The background shows a lush green landscape with trees and some buildings.

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

01

Thông tin khái quát



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Tên Tiếng Anh	BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	BBCC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 3600275107 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp (cấp lần đầu ngày 30/06/2005)
Vốn điều lệ	470.000.000.000 đồng
Mã cổ phiếu	VLB
Địa chỉ	K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3859 358
Số fax	(0251) 3859 917
Website	www.bbcc.com.vn
Email	congybbcc@gmail.com

Quá trình hình thành và phát triển



1983

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND Thành phố Biên Hòa.

Ngày 01/04/1988, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/ QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND Thành phố Biên Hòa.



1988



1991

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai.



1992



1997

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 5425/ QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 29/06/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.



2003

Ngày 01/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác - Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT ngày 26/09/2003 của UBND Tỉnh Đồng Nai.



1996



Ngày 13/09/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.



1998



Quá trình hình thành và phát triển (tiếp theo)

2004

Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/07/2004 của UBND Tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 05/05/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 1724/ QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.
- Ngày 07/07/2005, UBND Tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2006

Ngày 29/06/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/ QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 01/11/2015, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

2015

2005

2018

- Ngày 19/02/2016, Công ty được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.
- Ngày 17/06/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/ GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.
- Ngày 22/09/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

Ngày 06/04/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/ GCNCPVSD-1 với số lượng chứng khoán bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu, tổng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

Ngày 29/01/2019, Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã chào bán thành công 8.647.000 cổ phiếu VLB (tương ứng 18,397% vốn điều lệ) thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giảm tỷ lệ nắm giữ xuống còn 49% vốn điều lệ VLB.

2020

Trong năm 2020, công ty đăng ký điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh để hoàn thiện hồ sơ cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 2 và làm thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 1.

2016

2019

Các giải thưởng tiêu biểu

- Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1988.
- Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1991.
- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1996.
- Giải Bạc “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1997 và năm 1998 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng.
- Giải Vàng “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1999 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng.
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phong tặng theo Quyết định số 287/KT/CTN, ngày 14/07/2000.
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000.
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2002, 2003, 2004.
- Huân chương Độc lập Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 165 QĐ/CTN, ngày 13/2/2012.
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” Tỉnh Đồng Nai năm 2006, 2010, 2016, 2019.
- Cờ thi đua của UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2020.
- UBND Tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen điển hình tiên tiến đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm giai đoạn 2015 – 2019 theo Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 21/10/2020.
- UBND Tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen cho Công ty Cổ phần XD và SXVLXD Biên Hòa đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2021 theo số 791/QĐ-UBND ngày 31/3/2022.
- Cục thuế Tỉnh Đồng Nai tặng giấy khen Công ty Cổ phần XD và SXVLXD Biên Hòa đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2021.



02

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);

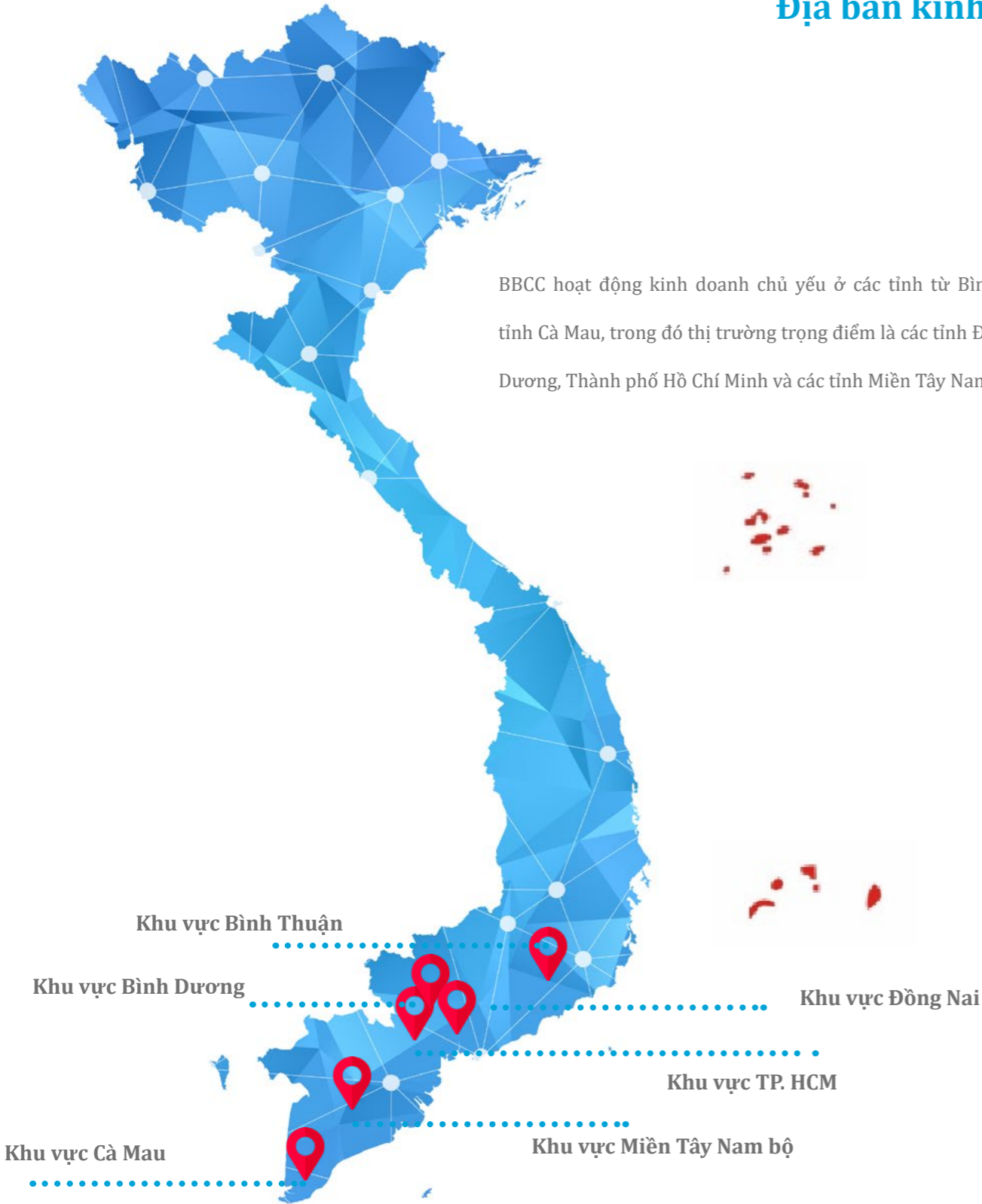
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).

02

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

BCC hoạt động kinh doanh chủ yếu ở các tỉnh từ Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau, trong đó thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ, ...





Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty:

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

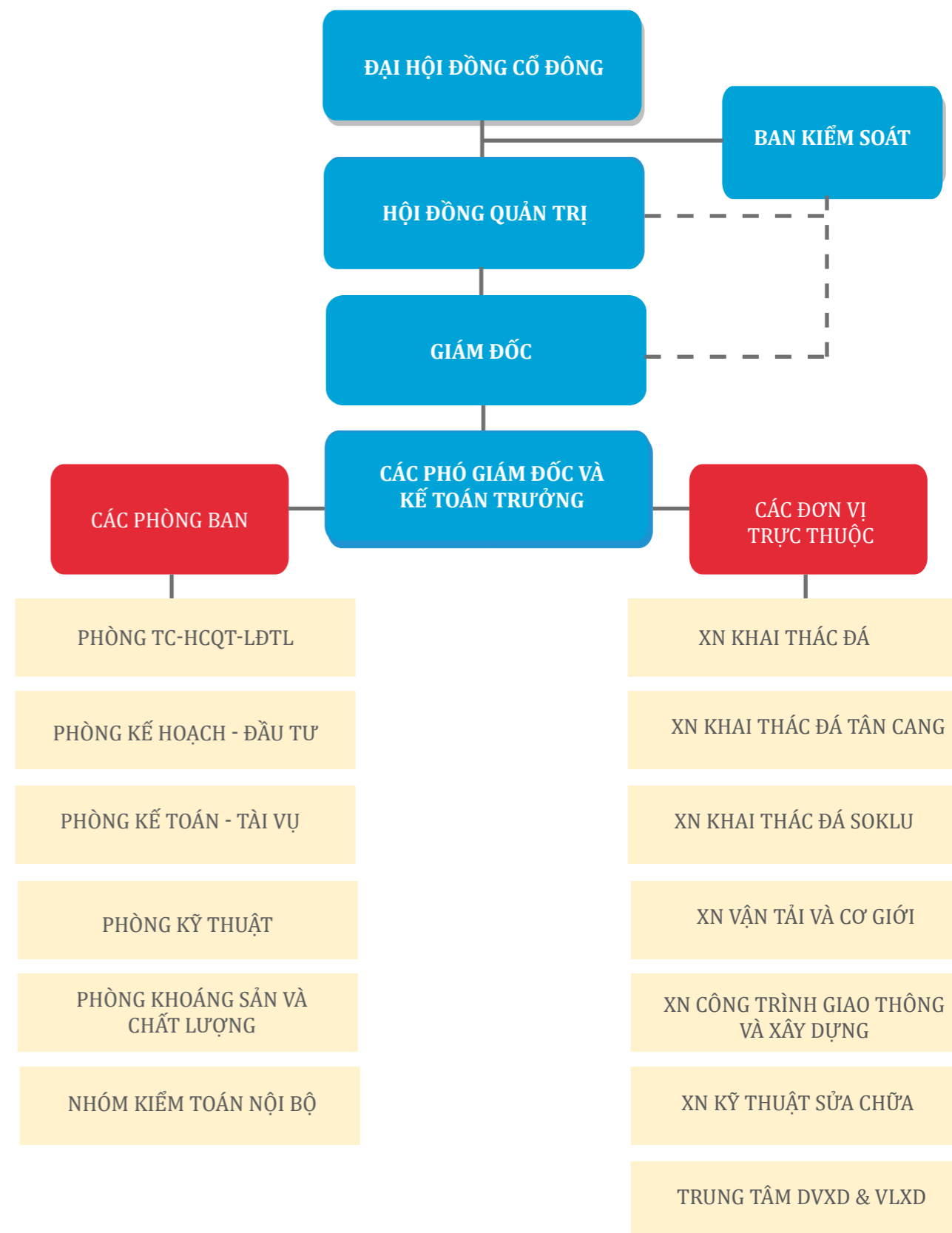
Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Công ty con, công ty liên kết

Không có

Cơ cấu bộ máy quản lý



Tổng hợp diện tích, công suất, trữ lượng các mỏ

Với thương hiệu, năng lực quản lý được BBCC xây dựng từ những ngày đầu thành lập, hiện nay Công ty đang quản lý và khai thác 05 mỏ đá có trữ lượng lớn và chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Đến thời điểm 31/12/2022

Tên mỏ	Diện tích cấp phép mở móng khai thác	Thời hạn hoạt động theo Giấy phép khai thác (tính từ 01/01/2014)		Công suất hoạt động	Trữ lượng nguyên khối còn lại	Thời gian hoạt động còn lại	Diện tích đất đã đền bù trong giấy phép khai thác	Diện tích đã thuê đất trong khu vực khai thác	Diện tích đất còn lại chưa đền bù + Đất công (đường mòn, mương)
		Số năm	Đến tháng, năm						
	m ²	năm		m ³ /năm	m ³	năm	m ²		m ²
Mỏ Thạnh Phú 1	837.000	28,7	07/2042	1.800.000	38.114.354	19,7	749.248,4	528.438,0	87.751,6
GP số 1048/ GP-UBND ngày 11/4/2016									
Mỏ Thiện Tân 2	650.000	24,5	06/2038	1.500.000	24.986.914	15,5	631.854	630.077	18.146,4
GP số 1362/ GP-UBND ngày 28/5/2015									
Mỏ Tân Cang 1	629.000	25	01/2039	1.500.000	25.677.130	16,0	590.313,1	532.035	38.686,9
GP số 661/ QĐ-UBND ngày 28/2/2018									
Soklu 2	178.300	12,1	01/2026	400.000	2.924.942	3,1	173.036,5	173.036,5	5.263,5
GP số 1523/ QĐ-UBND ngày 11/5/2017									
Soklu 5	294.000	11,5	06/2025	500.000	2.279.293	2,5	265.633,2	244.729	28.366,8
177 /GP-UBND ngày 07/7/2020									
Tổng cộng	2.588.300			5.700.000	93.982.633		2.410.085	2.108.316	178.215
<i>Quy đổi sang đá nguyên liệu</i>					<i>138.624.384</i>				
<i>Sản phẩm</i>					<i>124.761.946</i>				

Ghi chú: thời hạn hoạt động của các mỏ đá bao gồm cả thời gian 01 năm cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.



Các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Khai thác đá
- Xí nghiệp Khai thác đá Tân Cang
- Xí nghiệp Khai thác đá Soklu
- Xí nghiệp Vận tải và cơ giới
- Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng
- Xí nghiệp Kỹ thuật sửa chữa
- Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu Xây dựng

Xí nghiệp khai thác đá

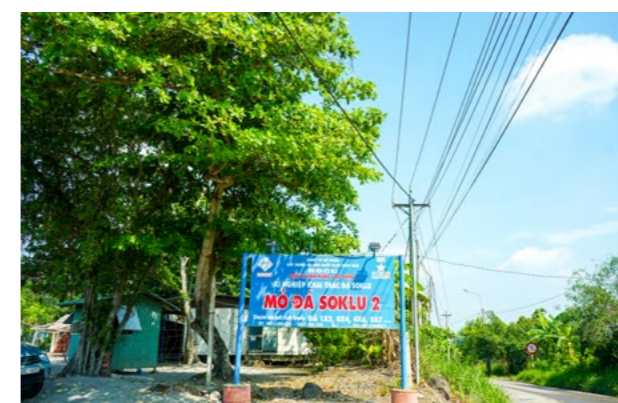
- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2
- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.360.0002
- Fax: 0251.396.6424
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Thạnh Phú - Địa chỉ: xã Thạnh Phú và xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Điện thoại: 0251.360.0002
 - Bến thủy nội địa Thạnh Phú - Điện thoại: 0251.861.5979
 - Công trường khai thác đá Thiện Tân - Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Điện thoại: 0251.656.9259
 - Bến thủy nội địa Thiện Tân - Điện thoại: 0251.360.1619
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất gạch các loại,....

Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1.
- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850251
- Fax: 0251.3850251
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Tân Cang - Địa chỉ: Kp Tân Cang, Phường Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại: 0251.8838056
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi,... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất gạch các loại,...

Xí nghiệp khai thác đá Soklu

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2 và mỏ Soklu 5.
- Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.377.5223
- Fax: 0251.377.5224
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Soklu 2 - Địa chỉ: xã Quang Trung và xã Gia Khiêm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
 - Công trường khai thác đá Soklu 5 - Địa chỉ: xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp,...



04

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đối với hoạt động sản xuất

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hoà luôn định hướng phát triển trở thành Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong sản xuất vật liệu xây dựng.
- Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư sản xuất, nghiên cứu để cung cấp thêm sản phẩm đa dạng và có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn; đồng thời tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty tại thị trường trong nước.

Đối với nhân sự

- Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, đóng góp vào công cuộc đổi mới của địa phương, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.
- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ công nhân viên Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững. Tối đa hóa năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng vị trí, công việc nhưng đồng thời phải ngày càng tinh gọn lực lượng lao động.
- Chú trọng đào tạo, cập nhật kiến thức mới, các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động. Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động phát huy kinh nghiệm, sở trường, năng lực chuyên môn; gắn với thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi để khích lệ người lao động tăng cường đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.



Đối với môi trường và xã hội

- Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các máy, thiết bị, phân loại chất thải theo đúng quy định.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về quan trắc môi trường định kỳ; thực hiện việc xử lý bụi, tiếng ồn, chấn động, đá văng,... bằng cách lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi, trồng cây xanh các khu vực khai thác, chế biến, áp dụng các kỹ thuật nổ mìn hiện đại, lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe, ..., thực hiện quản lý chất thải, nước thải theo quy định.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh mảng khai thác và chế biến đá xây dựng các loại; tối ưu chất lượng khai thác, hiệu quả tại các mỏ đá hiện hữu, có tính đến chiến lược mở rộng và nâng độ sâu nhằm tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và hiệu quả sử dụng đất.
- Duy trì thương hiệu của Công ty trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo các dự án đầu tư phải có hiệu quả trong tương lai.
- Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, hợp lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.
- Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Nhận thức được việc muốn phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật không những về hoạt động sản xuất kinh doanh mà phải đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, vì vậy Công ty luôn cố gắng không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, nỗ lực tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, đáp ứng và vượt lên sự mong đợi của khách hàng, cải thiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực và chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể, qua đó duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định hàng năm.

Xác định và thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên; thực hiện và vận động cán bộ công nhân viên (CBCNV) tích cực tham gia các hoạt động nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Trích Quỹ phúc lợi để tặng quà Tết cho các hộ gia đình, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi trên các địa bàn Công ty đóng chân. Hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản của địa phương...



05

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tổng thu nhập quốc nội - GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước đạt giá trị 9.513,3 nghìn tỷ đồng, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế đang khôi phục trở lại sau thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19. Trong tổng giá trị tăng thêm của toàn bộ nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36% và đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78% và đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99% và đóng góp 56,65%.

BBCC hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng nên luôn chịu tác động của nền kinh tế. Khi nền kinh tế chung tăng trưởng ổn định sẽ kéo theo chính sách đầu tư công của Nhà nước được đẩy mạnh và các cơ sở hạ tầng, công trình được đầu tư, mở rộng để đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Ngược lại, khi kinh tế bị trì trệ, kém tăng trưởng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm nay, kinh tế hồi phục đã góp phần tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể là doanh thu tăng trưởng mạnh 35,32% so với năm 2021. Tuy nhiên, rủi ro kinh tế luôn tồn tại khi bối cảnh kinh tế vĩ mô diễn biến khó lường từ địa chính trị, chính sách tiền tệ và tài khóa của các nước lớn. Vì vậy, BBCC luôn quan tâm, theo dõi những diễn biến kinh tế trong và ngoài nước nhằm đưa ra những định hướng sản xuất kinh doanh linh hoạt, phù hợp với nội lực của Công ty.



Rủi ro cạnh tranh

Trong năm 2022, theo Bộ Tài Chính công bố, giải ngân đầu tư công ghi nhận giá trị 435.689,97 tỷ đồng, đạt 67,27% kế hoạch và 75,11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đây là động lực cho sự tăng trưởng của ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành đá xây dựng nói riêng. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của ngành đá xây dựng phụ thuộc vào trữ lượng và thời hạn khai thác của các mỏ đá. Hiện các doanh nghiệp trong ngành đều đang xin giấy phép khai thác các mỏ mới hoặc xin gia hạn và nâng độ sâu các mỏ hiện tại, sức ép cạnh tranh cho BBCC và các doanh nghiệp trong ngành hết sức quyết liệt.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 được Quốc hội quyết nghị là 711.684,386 tỷ đồng. Để nắm bắt cơ hội đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như giải quyết vấn đề cạnh tranh từ nhiều phía đó, BBCC luôn chú trọng làm mới các chiến lược kinh doanh của mình, chú trọng nâng cao chiến lược sản xuất và cung ứng dịch vụ, từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành đá xây dựng.



Rủi ro chính sách, thuế, phí

Công ty chịu tác động trực tiếp từ chính sách quản lý khai thác khoáng sản và môi trường của Chính Phủ, đặc biệt các loại thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... đối với các mỏ khoáng sản mà Công ty khai thác. Điều này đã tạo áp lực cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng chính sách khai thác phù hợp, hiệu quả.

Với những tính chất mang tính đặc thù của ngành khai thác khoáng sản khi bị tác động bởi các chính sách khai thác, thuế, phí. Cho nên, Công ty cần lên kế hoạch dự phòng những trường hợp thay đổi trong chính sách của Nhà nước, để đảm bảo tính ổn định trong hoạt động khai thác các mỏ.

Rủi ro pháp luật

Kinh tế Việt Nam đang ngày càng có độ mở cao. Để phù hợp với quốc tế và nhằm thu hút được vốn đầu tư nước ngoài thì các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đất đai,... được Nhà nước liên tục hoàn thiện, cập nhật, thay đổi và bổ sung. Ngoài ra, BCC hoạt động trong lĩnh vực đặc thù liên quan đến tài nguyên – khai khoáng, vì vậy còn chịu tác động của các văn bản luật như Luật Khoáng sản, Luật Môi trường, Luật thuế tài nguyên, Luật Quy hoạch. Trong khi các luật này có sự vướng mắc, chồng chéo gây khó khăn cho Công ty trong quá trình hoạt động. Chính vì vậy, Công ty có thể gặp phải rủi ro khi các quy định, văn bản luật này có sự thay đổi, từ đó tác động đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh mà Công ty đã đề ra. Để khắc phục được rủi ro về mặt pháp lý, BCC đã luôn chủ động theo dõi, cập nhật những thay đổi trong quy định pháp luật nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường và tiến đến tăng trưởng bền vững.

Rủi ro thời tiết

Các mỏ đá thuộc Công ty đều lộ thiên nên khi có những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp. Như khi gặp mưa lớn sẽ làm chậm tiến độ khai thác tại các mỏ và có thể gây ngập, lở đất,... Bên cạnh đó tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết vừa có những cơn mưa lớn bất thường xuất hiện ngày càng nhiều, vừa nắng nóng gay gắt đã làm ảnh hưởng đến năng suất lao động của công nhân trực tiếp sản xuất, nhất là tại các công trường khai thác và các vị trí làm việc ngoài trời.

Vì vậy, để giảm thiểu những tác động của thời tiết gây ra, Công ty chủ động theo dõi tình hình thời tiết trên địa bàn để kịp thời đưa ra kế hoạch ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, BCC cũng phòng ngừa rủi ro thời tiết bằng những dụng cụ và những phương án xử lý khi không may rủi ro xảy ra.

Rủi ro môi trường

Công ty khai thác sản phẩm tài nguyên – có trữ lượng giới hạn, cho nên việc khai thác gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực và môi trường tự nhiên. Vì vậy trong quá trình khai thác và chế biến đá, Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến máy móc, quy trình khai thác để hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro chính được nêu trên, hoạt động của Công ty còn đối mặt với các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh và những tác động bất khả kháng khác. Đây là những rủi ro không thể tránh được và khó đoán trước, nhưng nếu xảy ra chúng có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty. Vì vậy, hàng năm Công ty luôn thực hiện chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên cùng các tài sản, vật tư và thiết bị có giá trị lớn để đảm bảo mức đủ bảo hiểm, giúp Công ty tránh được thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

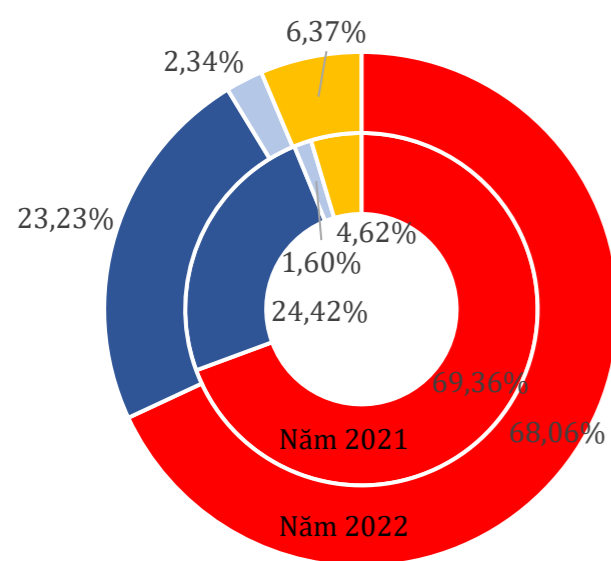
01

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	%Tăng/giảm
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	653.385	69,36%	867.501	68,06%	32,77%
Kinh doanh VLXD	230.027	24,42%	296.057	23,23%	28,71%
Giao thông và xây dựng	15.024	1,60%	29.898	2,34%	99,00%
Doanh thu hoạt động khác	43.516	4,62%	81.162	6,37%	86,51%
Tổng cộng	941.952	100%	1.274.618	100%	35,32%

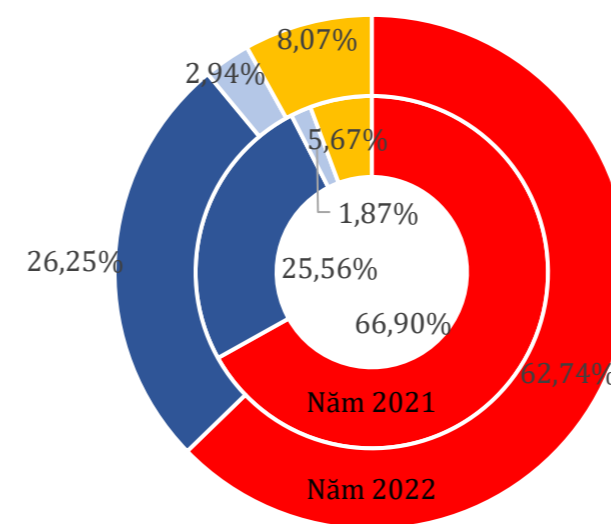


- Tiêu thụ sản phẩm đá, đất
- Kinh doanh VLXD
- Giao thông và xây dựng
- Doanh thu hoạt động khác

Trong năm 2022, Công ty đã ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.274.618 triệu đồng, tăng 35,32% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính đến từ sự phục hồi đầu tư công trong nước, việc xây dựng các công trình đã trở lại trạng thái bình thường sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Doanh thu từ tiêu thụ đất và đá tăng mạnh 32,77% so với năm trước, và là mảng đóng góp lớn nhất với 68,06% trên tổng doanh thu. Trong khi đó, mảng Giao thông, xây dựng và kinh doanh VLXD của Công ty đều ghi nhận tăng trưởng cao lần lượt đạt 99,00% và 28,71% so với năm 2021.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu GVHB	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	%Tăng/giảm
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	495.337	66,90%	610.409	62,74%	23,23%
Kinh doanh VLXD	189.229	25,56%	255.391	26,25%	34,96%
Giao thông và xây dựng	13.834	1,87%	28.606	2,94%	106,78%
Hoạt động khác	41.989	5,67%	78.504	8,07%	86,96%
Tổng cộng	740.389	100%	972.910	100%	31,41%



- Tiêu thụ sản phẩm đá, đất
- Kinh doanh VLXD
- Giao thông và xây dựng
- Hoạt động khác

Trong năm 2022, doanh thu của Công ty tăng đáng kể chủ yếu là nhờ sản lượng tiêu thụ tăng lên, dẫn đến sự tăng giá vốn hàng bán tương ứng. Giá vốn của hai lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản phẩm đất, đá và kinh doanh VLXD, đã tăng lần lượt 23,23% và 34,96%, đạt mức 610.409 triệu đồng và 255.391 triệu đồng. Đồng thời, cơ cấu giá vốn theo các lĩnh vực kinh doanh của Công ty không có sự thay đổi đáng kể so với cùng kỳ.

01

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2021	%Doanh thu thuần	Năm 2022	%Doanh thu thuần	%Tăng/giảm
Sản phẩm đá, đất	158.048	16,78%	257.092	20,17%	62,67%
Kinh doanh VLXD	40.798	4,33%	40.666	3,19%	-0,32%
Giao thông và xây dựng	1.190	0,13%	1.292	0,10%	8,57%
Hoạt động khác	1.527	0,16%	2.658	0,21%	74,07%
Tổng cộng	201.563	21,40%	301.708	23,67%	49,68%

Trong năm 2022, biên lợi nhuận gộp của Công ty có cải thiện hơn khi đạt 23,67% trong khi cùng kỳ 2021 ghi nhận 21,40%, cho thấy hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Đóng góp lớn cho sự cải thiện trên đến từ hoạt động khai thác đá, đất của Công ty khi lợi nhuận gộp ở mảng này tăng trưởng mạnh với 62,67% trong khi doanh thu chỉ tăng 32,77%.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2022, Công ty đặt kế hoạch lỗ 120.000 triệu đồng, tuy nhiên, nhờ vào nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua thử thách với mức lỗ là 23.254 triệu đồng.

Trong năm, Công ty đã tập trung nỗ lực tăng trưởng sản lượng và doanh thu bằng cách tối đa hóa hiệu suất sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng đã tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực sản xuất tăng cường công tác đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong những năm tới. Việc tăng trưởng quy mô kinh doanh sẽ giúp Công ty tạo ra thêm nguồn thu và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, từ đó giảm thiểu rủi ro tài chính và phát triển bền vững cho Công ty trong tương lai.

Ngoài ra, việc Công ty đạt được mức lỗ thấp hơn dự kiến cũng chứng tỏ rằng quyết định tập trung vào tối ưu hóa chi phí đã đem lại hiệu quả cao. Công ty đã sử dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, đảm bảo tài chính và tăng cường khả năng thanh toán nợ, giúp đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

Với những thành tích đáng kể trên, Công ty đã chứng minh được khả năng quản lý và tinh thần nỗ lực không ngừng của toàn thể nhân viên. Đây là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.





Tổ chức và nhân sự

Danh sách thành viên HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 9.400.000 Cá nhân: 8.400	20,02%
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT	Đại diện: 5.170.000 Cá nhân: 60.000	11,13%
3	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	Đại diện: 5.170.000 Cá nhân: 25.800	11,05%
4	Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%

Lý lịch HĐQT



Ông Huỳnh Xuân Đạo

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 27/12/1986 Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 02/2009-03/2013: Nhân viên Sàn giao dịch bất động sản tại Công ty D2D
- 04/2013-05/2015: Nhân viên tại Ban quản lý chợ Long Thành
- 06/2015-03/2017: Nhân viên tại Ban quản lý KCN Nhơn Trạch 2
- 04/2017-03/2019: Phó Giám đốc Sàn giao dịch bất động sản tại Công ty D2D
- 03/2019-09/2019: Phó Trưởng phòng Kế hoạch- Đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 10/2019-05/2020: Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 06/2020: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch- Đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 07/2020-07/2021: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 07/2021-đến nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Ông Huỳnh Kim Vũ

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 15/02/1973 Nơi sinh: Bình Dương
Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

- 04/1997-05/2003: Kế toán Phòng Kế toán- Tài vụ tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 05/2003-10/2003: Phó Phòng Kế toán- Tài vụ tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 10/2003-05/2005: Kế toán trưởng tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 06/2005-08/2013: Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 09/2013-10/2015: Thành viên HĐQT- Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 11/2015-06/2020: Thành viên HĐQT- Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 06/2020-07/2021: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- 07/2021-đến nay: Thành viên HĐQT- Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Ông Nguyễn Quốc Phòng

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 29/06/1977 Nơi sinh: Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Tài chính - Tín dụng

Quá trình công tác:

- 2000-2006: Kế toán trưởng tại Chi nhánh Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp
- 2006-2009: Phó phòng Tài chính tại Công ty CP VinaCam
- 2009-2010: Trưởng phòng Tài chính tại Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm sao
- 2010-2013: Giám đốc Ban tài chính - Kế toán tại Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm sao
- 10/2013: Phó Tổng Giám đốc tài chính tại Tập đoàn Quốc tế Năm sao
- 2014-2016: Phó Giám đốc Phụ trách Tài chính - Kế toán tại Công ty CP XNK Nông sản VINA
- 2016-đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
- 04/2019-đến nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Ông Phạm Quốc Thái

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh 30/01/1969 **Nơi sinh** Đồng Nai
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

1994-1995: Chuyên viên tài chính tại Sở Công nghiệp Đồng Nai
 1995-12/03/2002: Chuyên viên tài chính tại Sở Tài chính Đồng Nai
 03/2002-07/2002: Nhân viên kiểm toán tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 07/2002-08/2003: Phó Phòng Kế toán - tài vụ tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 08/2003-10/2003: Quyền Kế toán trưởng tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 10/2003-05/2005: Phó Phòng Kế toán-tài vụ tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2005-08/2013: Phó Phòng Kế toán-tài vụ tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 08/2013-10/2015: Quyền Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2015-06/2017: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2017-04/2022: Thành viên HĐQT-Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 04/2022-đến nay: Thành viên HĐQT-Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thành viên HĐQT

Năm sinh 10/11/1983 **Nơi sinh** Bình Phước
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

2005-2006: Làm việc tại Tổng Công ty CP May Việt Tiến- Phòng Kế toán
 2007-2008: Làm việc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Phòng Kế toán Lưu ký
 2008-2011: Làm việc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Phòng Môi giới
 2011-2012: Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương
 2012-2017: Trưởng Bộ phận tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Phòng Môi giới
 2017-đến nay: Phụ trách phòng tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Phòng Môi giới
 04/2019-đến nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Đại diện: 5.170.000 Cá nhân: 60.000	11,13%
2	Ông Phạm Quốc Thái	Phó Giám đốc	Đại diện: 5.170.000 Cá nhân: 25.800	11,05%
3	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	Đại diện: 0 Cá nhân: 24.600	0,052%
4	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	Đại diện: 0 Cá nhân: 101.040	0,215%
5	Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	Đại diện: 0 Cá nhân: 15.600	0,033%

Lý lịch Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch của Ông Huỳnh Kim Vũ và Ông Phạm Quốc Thái đã được trình bày tại mục HĐQT.



Ông Nguyễn Hùng Thắng

Phó Giám đốc

Năm sinh 10/10/1973 **Nơi sinh** Đồng Tháp
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý

Quá trình công tác:

04/1997-05/2005: Nhân viên kế toán tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2005-07/2005: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 08/2005-03/2014: Phó Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính- Quản trị tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 04/2014-10/2015: Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính- Quản trị tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2015-04/2019: Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính- Quản trị tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 04/2019-07/2020: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 07/2020-07/2021: Quyền Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 07/2021-đến nay: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)



Ông Nguyễn Xuân Việt

Phó Giám đốc

Năm sinh 31/07/1962 **Nơi sinh** Đồng Nai
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Cử nhân QTKD, Kỹ sư Cơ khí Ô tô

Quá trình công tác:

12/1987-02/1997: Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 03/1997-05/1998: Phó Phòng Chất lượng- Đầu tư- Kỹ thuật tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/1998-1999: Trưởng Phòng Chất lượng- Đầu tư- Kỹ thuật tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 1999-02/2002: Phó Giám đốc tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 02/2002-05/2005: Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2006-10/2013: Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2013-10/2015: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2015-đến nay: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Ông Trần Quốc Triều

Kế toán trưởng

Năm sinh 19/3/1974 **Nơi sinh** Tiền Giang
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

07/1996-05/2005: Kế toán tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2005-10/2015: Kế toán tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2015-12/2018: Kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 01/2019 -10/2021: Phó Phòng Kế hoạch- Đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 10/2021-04/2022: Phó Phòng Kế toán-tài vụ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 18/4/2022-đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng		18/4/2022
	Ông Phạm Quốc Thái	Phó Giám đốc	18/4/2022	
2	Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	18/4/2022	

Danh sách Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm Soát	Đại diện: 0 Cá nhân: 6.040	0,012%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS	Đại diện: 3.290.000 Cá nhân: 0	7,00%

Lý lịch Ban kiểm soát



Ông Huỳnh Đường Tài

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh 06/08/1975 **Nơi sinh** Long An
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

02/1998 -05/2005: Nhân viên kế toán tại Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 06/2005 -04/2014: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 05/2014 -10/2015: Trưởng nhóm kiểm toán nội bộ - kiêm Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 11/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 12/09/1984 **Nơi sinh** Đồng Nai
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

2006-2011: Ban kiểm soát tại Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
 2011- đến nay: Công tác tại Phòng Kế toán tài chính Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
 2007-2011: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 2008-2016: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Lothamilk
 2008-2011: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
 2009-2011: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai
 2016-2019: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty CP Bao bì Biên Hòa
 06/2021 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



Bà Nguyễn Thị Thu Trà

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 18/08/1984 **Nơi sinh** Hải Phòng
Quốc tịch Việt Nam **Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

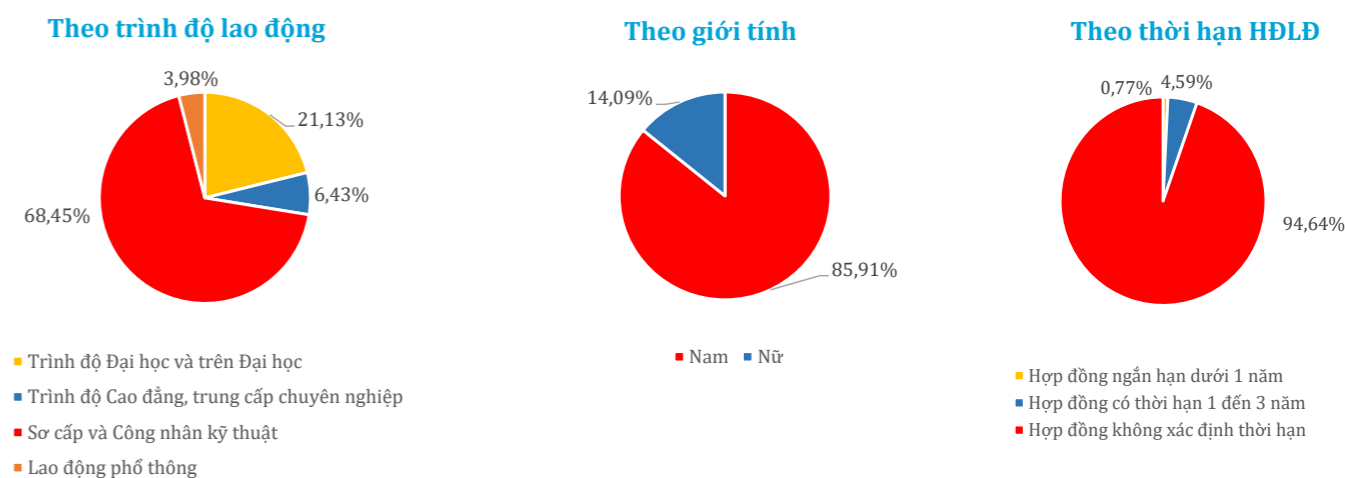
Quá trình công tác:

09/2006-03/2014: Chuyên viên phân tích đầu tư, tư vấn tại Công ty chứng khoán MBS
 04/2014-05/2015: Trưởng nhóm Phòng tư vấn chứng khoán tại Công ty chứng khoán Vietcombank- Chi nhánh Hồ Chí Minh
 06/2015-06/2016: Phó Phòng tư vấn chứng khoán tại Công ty chứng khoán Vietcombank- Chi nhánh Hồ Chí Minh
 06/2016-02/2018: Giám đốc dịch vụ IB-HCM tại Công ty chứng khoán Maritime
 03/2018-04/2019: Trưởng phòng IB tại Công ty chứng khoán Mirae Asset
 04/2019-nay: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa

Số lượng cán bộ nhân viên

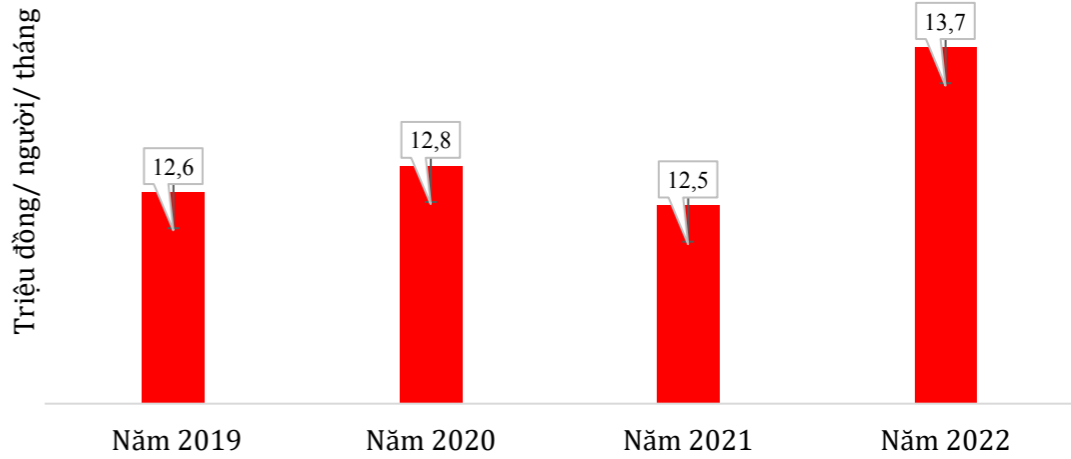
STT	Tiêu chí	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	671	100%	653	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	137	20,42%	138	21,13%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	45	6,71%	42	6,43%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	463	69,00%	447	68,45%
4	Lao động phổ thông	26	3,87%	26	3,98%
II	Theo giới tính	671	100%	653	100%
1	Nam	578	86,14%	561	85,91%
2	Nữ	93	13,86%	92	14,09%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	671	100%	653	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	3	0,45%	5	0,77%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	31	4,62%	30	4,59%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	637	94,93%	618	94,64%
Tổng cộng		671	100%	653	100%

Cơ cấu nhân viên theo các tiêu chí năm 2022



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	710	686	671	653
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.600.000	12.800.000	12.500.000	13.700.000



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002; nhân sự của BCC phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác đáp ứng phù hợp yêu cầu công việc và vị trí cần tuyển dụng.

Việc đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn lao động được Công ty rất chú trọng do đặc thù ngành khai thác đá xây dựng đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình làm việc. Ngoài ra, người lao động còn được Công ty hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn của công nhân trực tiếp sản xuất, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty và quy định của pháp luật về lao động. Ngoài ra, cán bộ quản lý sẽ được cử đi học các khóa ngắn hạn nếu cần thiết, để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn.

Môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp

Công ty không ngừng đầu tư, phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu mục tiêu, phát triển bền vững của Công ty.

Công ty luôn có những giải pháp khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tính sáng tạo, mang lại những sáng kiến, giải pháp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, BCC luôn tạo môi trường làm việc hài hòa và năng động, công bằng và bình đẳng, xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất.



Về lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Những CBCNV có trình độ, năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty luôn được Công ty đãi ngộ hợp lý. Công ty luôn xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương, thưởng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc trả lương gắn với kết quả của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm của mình.

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động như tiền lương, tiền thưởng và quà tết. Cụ thể, Công ty đã thực hiện chi phúc lợi cho người lao động (thay thế việc tổ chức đi nghỉ mát năm 2022) bằng hình thức phát phiếu mua hàng tiêu dùng thiết yếu trị giá 5.000.000 đồng/người (đối với lao động làm việc đủ 12 tháng) với tổng số tiền 3.293.000.000 đồng. Năm 2022, thu nhập bình quân của công nhân đạt 13.700.000 đồng/người/tháng, vượt kế hoạch 125%. Ngoài ra, trong các dịp lễ lớn trong năm Công ty thưởng cho CNLĐ bình quân từ 3 đến 4 triệu đồng/người; các chế độ khác của người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, bồi dưỡng bằng hiện vật v.v.. đều được thực hiện đầy đủ, kịp thời.





03 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên dự án	Đầu tư xe tải ben mới 100%
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.
Hình thức đầu tư	Công ty tiến hành thủ tục mời thầu, tổ chức đấu thầu theo quy định hiện hành.
Mục tiêu đầu tư	Để đảm bảo đủ năng lực, an toàn trong vận chuyển vật liệu xây dựng, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và những năm tiếp theo, kịp thời thay thế những xe máy, thiết bị hết niên hạn sử dụng.
Quy mô dự án	- 08 xe tải ben loại 03 chân vận chuyển đá nguyên liệu, mới 100%, sản xuất năm 2022 (trọng lượng không tải khoảng 12.000kg - 15.000kg). - 05 xe tải ben loại 04 chân vận chuyển đá thành phẩm, mới 100%, sản xuất năm 2022 (trọng lượng không tải khoảng: 13.670 kg- 17.150 kg).
Địa điểm thực hiện dự án	Đầu tư xe tải cho Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới để phục vụ vận chuyển đá, đất tại các mỏ đá trực thuộc Công ty.
Tổng mức đầu tư dự án	19.083 triệu đồng.
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Từ tháng 04/2022 đến tháng 12/2022

Các công ty con, công ty liên kết

Không có



04 Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng giảm 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	865.633	714.874	-17,42%
2	Doanh thu thuần	941.952	1.274.618	35,32%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	147.401	236.164	60,22%
4	Lợi nhuận khác	10.787	-259.418	-
5	Lợi nhuận trước thuế	158.188	-23.254	-
6	Lợi nhuận sau thuế	126.422	-23.254	-

Trong năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 60,22% so với cùng kỳ đạt 236.164 triệu đồng, nguyên nhân đến từ tình hình đầu tư xây dựng giữa năm 2022 hồi phục mạnh sau giai đoạn dịch Covid 19 kéo dài. Tuy nhiên, do phát sinh 270.428 triệu đồng khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014-2021 nên lợi nhuận trước thuế của Công ty đã âm trong năm nay, ghi nhận lỗ 23.254 triệu đồng so với lợi nhuận 158.188 triệu đồng cùng kỳ.

04

Tình hình tài chính (tiếp theo)

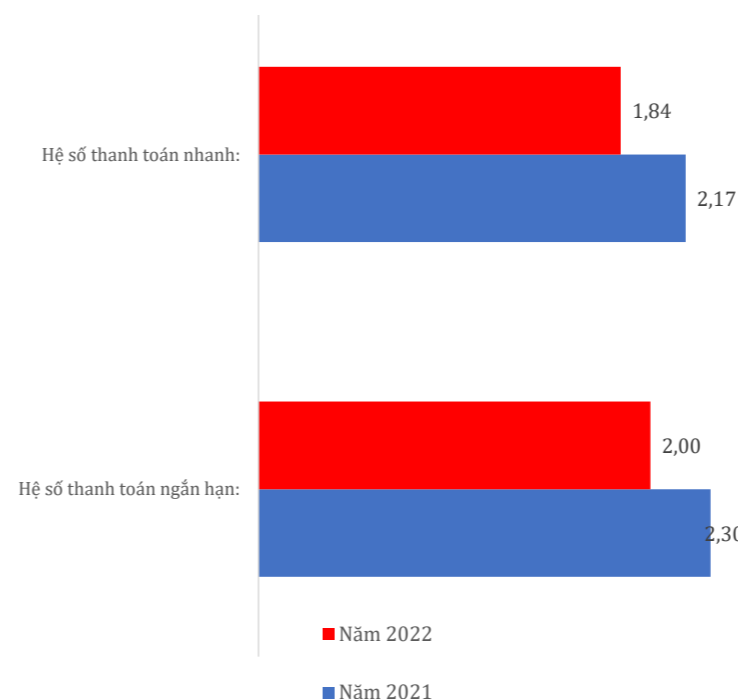
Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,30	2,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,17	1,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	25,29	25,93
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,85	35,00
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	21,90	34,79
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,06	1,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,42	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,55	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,60	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,65	18,53

Lưu ý: Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu năm 2021 theo Kết luận thanh tra số 991/KL-TTr của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 20/9/2022, nên có sự thay đổi các khoản mục trong BCTC so với năm 2022.



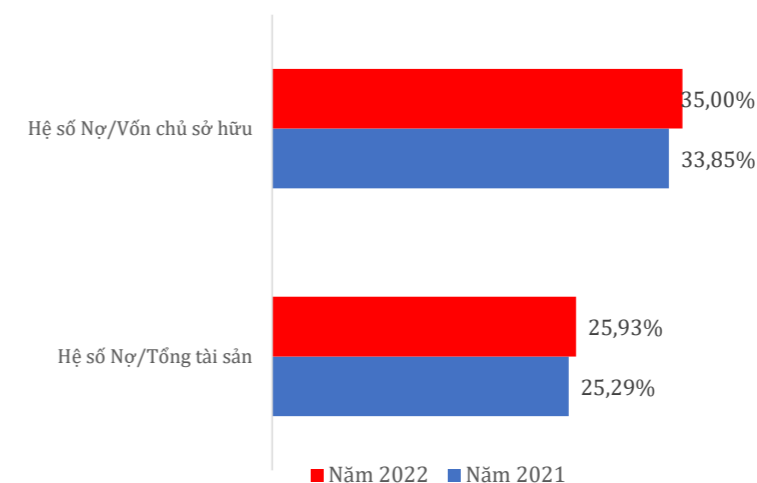
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Trong năm 2022, chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đạt lần lượt là 2,00 và 1,84 lần giảm so với mức 2,30 và 2,17 lần cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản tiền gửi không quá 3 tháng của Công ty giảm mạnh còn 87.000 triệu đồng so với từ 350.000 triệu đồng cùng kỳ 2021. Tuy nhiên, hệ số thanh toán của Công ty vẫn duy trì ở mức cao nhằm bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường và tránh những rủi ro về mặt thanh khoản có thể xảy ra.



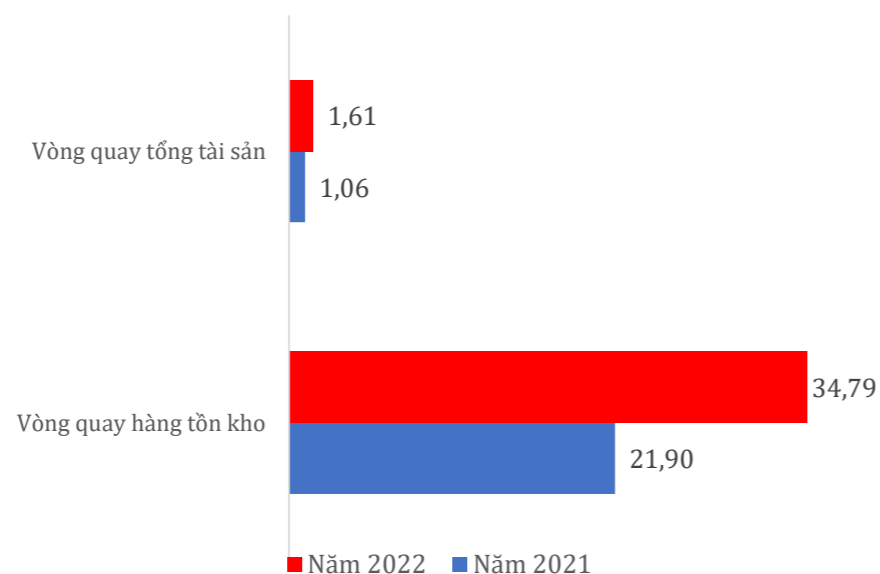
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Năm 2022, cơ cấu vốn của Công ty không thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ lên 25,93% so với mức 25,29% cùng kỳ, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt mức 35,00% so với mức 33,85% vào năm trước. Trong năm nay, khoản nợ phải trả và tổng tài sản của công ty giảm nhẹ lần lượt 15,35% và 17,42% so với năm 2021 chủ yếu do Công ty ghi nhận lợi nhuận âm - chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung. Bên cạnh đó, Công ty vẫn không sử dụng nợ dài hạn tài trợ cho hoạt động kinh doanh. Như vậy, Công ty đã duy trì ổn định cơ cấu vốn ở mức an toàn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường tránh những áp lực về chi phí tài chính trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thị trường tăng cao.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

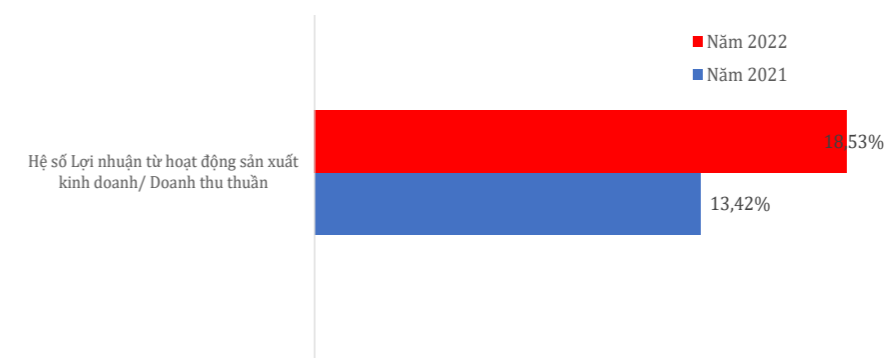


Trong năm 2022, vòng quay Hàng tồn kho của Công ty tăng lên mức 34,79 lần so với 21,90 lần của năm 2021. Việc tăng này chủ yếu do giá vốn hàng bán năm 2022 tăng 31,41% so với năm trước nhờ vào sản lượng đá tiêu thụ tăng, trong khi hàng tồn kho bình quân năm 2022 không đổi so với năm 2021.

Cùng với đó, vòng quay Tổng tài sản tăng lên mức 1,61 lần so với mức 1,06 lần cùng kỳ 2021; nguyên nhân dẫn đến hệ số này tăng là sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng, đồng thời tổng tài sản trong năm ghi nhận giảm mạnh một lượng tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

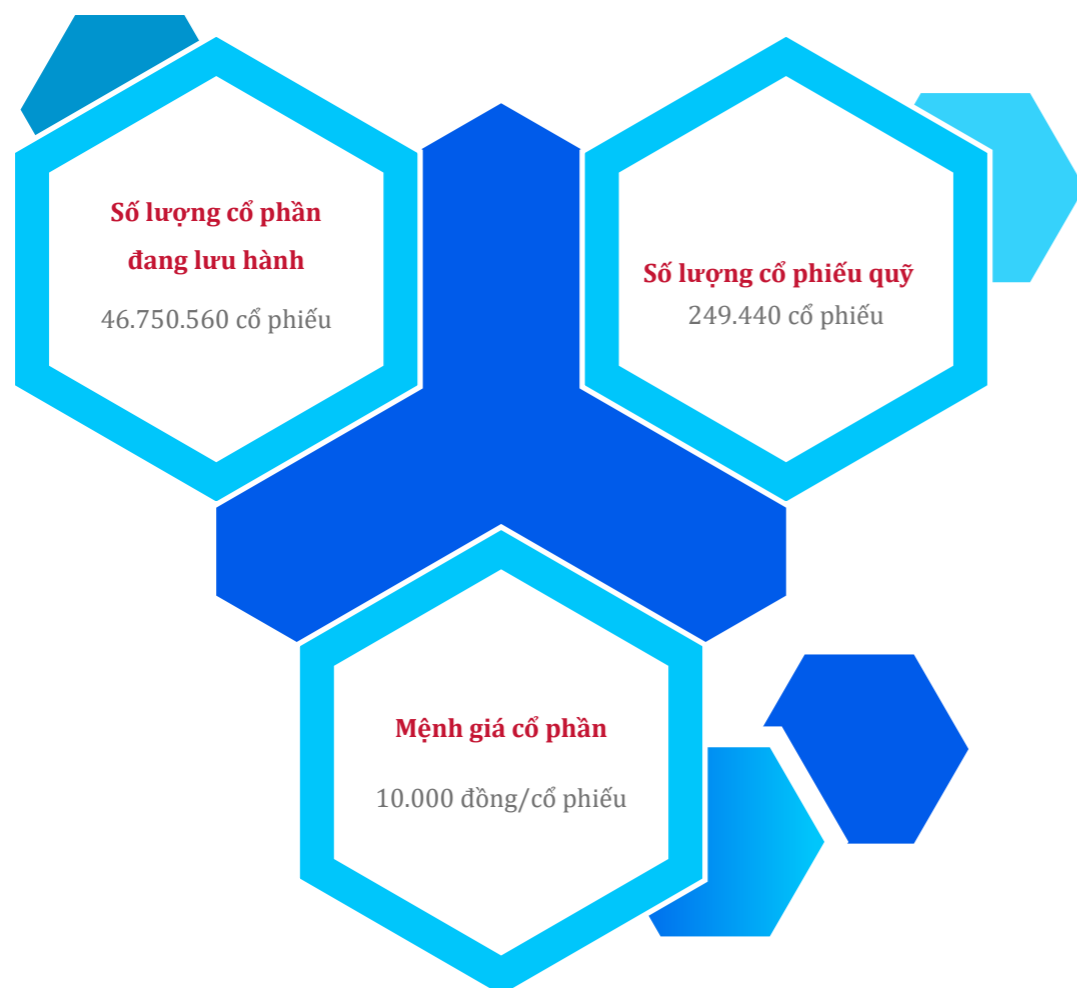


Trong năm nay, do phát sinh khoản chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014-2021 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai nên lợi nhuận sau thuế của Công ty ghi nhận âm. Tuy vậy, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần của Công ty vẫn ghi nhận tăng lên mức 18,53% so với mức 15,65% cùng kỳ. Nguyên nhân đến từ Công ty vẫn duy trì được chi phí bán hàng ổn định, giúp tối ưu hóa chi phí trong khi doanh thu vẫn tăng trưởng.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Hình thức tăng vốn
Năm 2015	-	450 tỷ đồng	Vốn điều lệ ban đầu
Năm 2018	20 tỷ đồng	470 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2022, Công ty đã mua lại 23.000 cổ phiếu nâng số cổ phiếu quỹ hiện lên 249.440 cổ phiếu. Công ty mua cổ phiếu quỹ nhằm thu hồi cổ phiếu phát hành ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhưng nghỉ việc trước khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Các chứng khoán khác

Không có

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 25/08/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	23.030.000	49,00%	1	1	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	4.500.000	9,57%	1	1	0
	- Trong nước	4.500.000	9,57%	1	1	0
	- Nước ngoài	-	0,00%	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	249.440	0,53%	0	0	0
4	Cổ đông khác	19.220.560	40,90%	1.380	7	1.373
	- Trong nước	19.205.360	40,87%	1.376	5	1.371
	- Nước ngoài	15.200	0,03%	4	2	2
Tổng cộng		47.000.000	100,00%	1.383	10	1.373
Trong đó: - Trong nước		46.984.800	99,97%	1.379	8	1.371
- Nước ngoài		15.200	0,03%	4	2	2

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày 25/08/2022

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH	Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, KP1, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam	23.030.000	49,00%
Công ty TNHH Đầu Tư KSB	Thửa đất số 850, Tờ bản đồ số 122(DC12.2), Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu Phố Hoà Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	4.500.000	9,57%



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và nhiên liệu

Về sử dụng tài nguyên khoáng sản, năm 2022, Công ty tiêu thụ được 3.104.839 m³ đất tầng phủ tương ứng doanh thu trước thuế VAT là 85.843 triệu đồng, vừa tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí bốc đất đầu và di dời, đổ thải; đá phong hóa năm 2022 tiêu thụ được 162.148 m³. Qua đó tiết kiệm tài nguyên khoáng sản tại các mỏ đá trực thuộc và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước qua thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

BBCC luôn tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tiêu hao nhiên liệu của các đội xe vận tải, cơ giới thông qua thực hiện hiệu quả công tác định mức và quyết toán nhiên liệu hàng tháng; kịp thời kiểm tra, xử lý hoặc định mức lại đối với những trường hợp có sự thay đổi, khác biệt so với định mức chung,...

Nhờ đó, trong năm qua Công ty tiết kiệm được 134.446 lít dầu DO, tương ứng số tiền là 2.220 triệu đồng.

Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất

Rác thải sinh hoạt được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Công ty TNHH Môi trường Trí Ngọc Đạt và Hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp Tấn Thành) đến thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phát sinh được giao cho Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên đến thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng được ký kết hàng năm giữa hai Công ty.

Tiêu thụ nước

Năm 2022, BBCC tiêu thụ 16.504 m³ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, Hợp tác xã Tuấn Nghĩa Phước Tân và Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân cung cấp; khai thác 216.345 m³ nước mặt từ sông Đồng Nai phục vụ công tác bảo vệ môi trường, khai thác 11.250 m³ nước dưới đất phục vụ sinh hoạt và công tác bảo vệ môi trường tại mỏ đá Soklu 2, tái sử dụng 62.678 m³ nước thải từ mỏ đá Tân Cang 1 để phục vụ công tác bảo vệ môi trường tại mỏ.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tập thể lãnh đạo Công ty luôn đặc biệt quan tâm và chỉ đạo các bộ phận chuyên môn có liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cũng như tuyên truyền, quán triệt mọi lao động trong Công ty cùng nhận thức và xác định đây là trách nhiệm chung của mỗi người, luôn tuân thủ và tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ và ngày càng tốt hơn các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đối với công tác xã hội, trong năm qua, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã phối hợp với người quản lý tiếp tục thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, hướng về cuộc sống cộng đồng như: Công ty đã duy trì thăm hỏi và hỗ trợ cho 08 gia đình chính sách, hộ nghèo với mức hỗ trợ 01 triệu đồng/tháng/gia đình; phát huy truyền thống nhân văn, tương thân, tương ái, với nỗ lực hết mình vì lợi ích cộng đồng, luôn đặt phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó Công ty đã đóng 100 triệu đồng vào Quỹ phòng,

chống thiên tai; ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 với số tiền 50 triệu đồng; thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà cho các Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, người già neo đơn, vô gia cư, các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên các địa bàn Công ty đứng chân nhân dịp tết Nguyên đán hay đóng góp vào các quỹ xây dựng, phát triển địa phương và nhiều chương trình thiện nguyện khác với số tiền 952 triệu đồng, trong đó ủng hộ 4.648 tấn đá xây dựng nông thôn mới tại các địa phương tương đương số tiền 193 triệu đồng.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách phúc lợi

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Lao động và thực hiện một cách nghiêm túc các chế độ bảo hiểm xã hội như: hưu trí, ốm đau, thai sản. Ngoài ra, Công ty còn quan tâm đến sức khỏe và tinh thần của nhân viên bằng cách tổ chức các bữa ăn giữa ca, cung cấp các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật, thực hiện quan trắc môi trường lao động và khám sức khỏe định kỳ (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc nguy hiểm được khám định kỳ lần 2). Công ty cũng đảm bảo công nhân được khám bệnh nghề nghiệp và khám chuyên khoa nữ, cung cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24,... để đảm bảo nhân viên của Công ty được chăm sóc đầy đủ về sức khỏe và quyền lợi được hưởng.

Chính sách lao động

Trong chuỗi giá trị bền vững của BBCC, con người được xem là yếu tố quan trọng và nguồn lực cốt lõi giúp Công ty đáp ứng trách nhiệm với cổ đông, nhà đầu tư, môi trường xung quanh, xã hội và cộng đồng. Do đó, trong những năm gần đây, Công ty luôn chú trọng đến các chính sách liên quan đến người lao động.

Công ty đã đạt được nhiều thành công trong việc tạo ra một môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp trong những năm qua. Đội ngũ CBCNV của Công ty đã được đào tạo kỹ thuật chuyên môn và có tay nghề cao, đồng thời còn đầy nhiệt huyết và sự tận tâm, gắn bó với Công ty trong thời gian dài.

Chính sách đào tạo

Công ty tập trung vào việc đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung kiến thức cho đội ngũ CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời chú trọng vào bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Hàng năm, Công ty đã lập kế hoạch để đào tạo và huấn luyện nhân viên tham gia các lớp học chuyên môn, kỹ năng và các chương trình đào tạo liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm cải thiện tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



BBCC



BBCC

01

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của các ngành, các cấp là động lực vô cùng quan trọng giúp BCC tăng cường phát huy những lợi thế khách quan và nội lực của doanh nghiệp. Đặc biệt, với vai trò tham mưu hiệu quả của các phòng nghiệp vụ Công ty, kết hợp việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất- kinh doanh khoa học, nhịp nhàng của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc, cùng tinh thần làm việc chủ động, hăng say, chất lượng và trách nhiệm cao của tuyệt đại bộ phận cán bộ, người lao động toàn đơn vị là lợi thế lớn về nguồn nhân lực so với nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề.

Khó khăn

Trong năm 2022, Công ty gặp ảnh hưởng lớn nhất là việc phải nộp bổ sung 270,4 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (giai đoạn từ năm 2014 đến 2021) trong quý 2 và quý 3/2022 theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai và thông báo của Cục thuế Đồng Nai, cộng với thuế tài nguyên tăng (áp dụng giá tính thuế tài nguyên theo giá bán sản phẩm cao nhất sau khi so sánh giữa giá sản phẩm bán ra của công ty và giá Ủy ban tỉnh như kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính) dẫn đến lợi nhuận âm trong năm 2022. Cùng với những khó khăn trên là giá cả xăng dầu trong năm qua liên tục biến động, tăng nhiều hơn giảm; nguồn cung một số nhiên, vật liệu đầu vào sản xuất có thời gian khan hiếm cục bộ do ảnh hưởng cuộc chiến giữa Nga và Ukraine kéo dài; Mặt khác, về tình hình kinh tế vĩ mô, để kiểm soát lạm phát, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng lãi suất và thực hiện chính sách siết chặt tín dụng dẫn đến thị trường bất động sản gặp khó khăn, một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực này tạm ngưng hoạt động đầu tư, dừng thi công xây dựng một số dự án hoặc dừng triển khai các dự án mới,..v.v. là những yếu tố bất lợi trực tiếp tác động đối với hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đá, hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

Kết quả sản xuất kinh doanh 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Thực hiện 2022/ Kế hoạch 2022
Doanh thu thuần, trong đó:	941.952	821.426	1.274.618	155,17%
- Tiêu thụ sản phẩm đá	602.460	593.676	786.360	132,46%
- Tiêu thụ sản phẩm đất	50.925	17.750	81.141	457,13%
- Kinh doanh VLXD	230.027	200.000	296.057	148,03%
- Giao thông và xây dựng	15.024	10.000	29.898	298,99%
- Doanh thu khác	43.516	-	81.162	-
Lợi nhuận trước thuế	158.187	-120.000	-23.254	-
Lợi nhuận sau thuế	126.422	-120.000	-23.254	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	-	0%	-



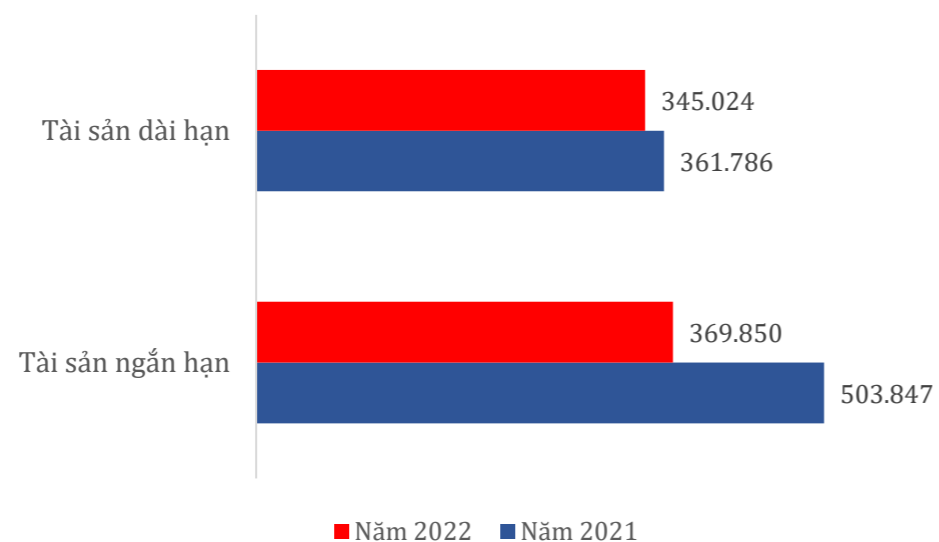


Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	%Thay đổi 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	503.847	58,21%	369.850	51,74%	-26,59%
Tài sản dài hạn	361.786	41,79%	345.024	48,26%	-4,63%
Tổng tài sản	865.633	100%	714.874	100%	-17,42%

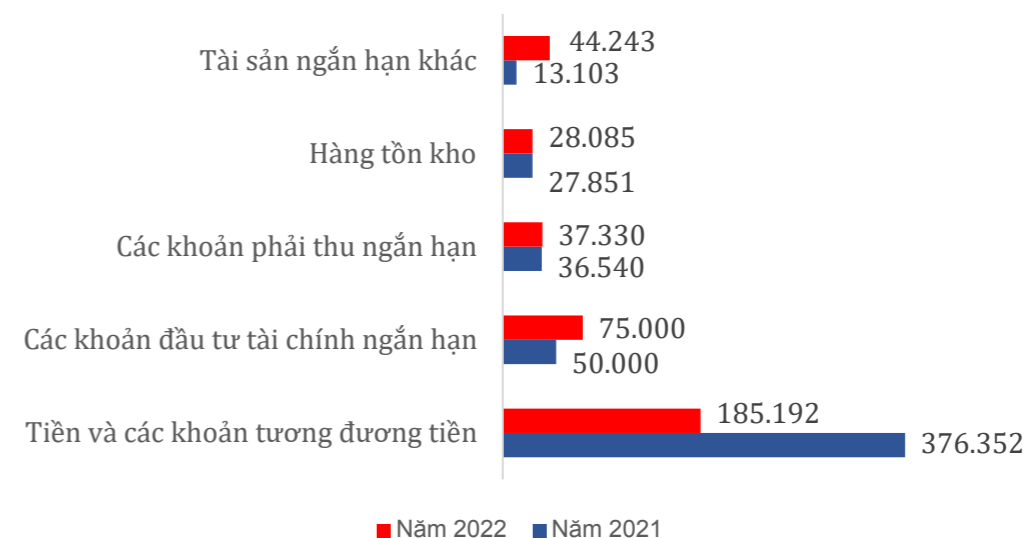


Đến cuối năm 2022, tổng tài sản của BCC đã được ghi nhận với giá trị 714.874 triệu đồng, giảm 17,42% so với năm trước; nguyên nhân đến từ lượng tiền và tương đương tiền của Công ty giảm mạnh 50,79% so với đầu năm. Đồng thời, có sự thay đổi trong cấu trúc tài sản của Công ty, với tài sản dài hạn chiếm 48,26% so với mức 41,79% cùng kỳ, do trong năm Công ty đã đầu tư mua tài sản cố định phục vụ cho hoạt động vận chuyển đất đá và vật liệu xây dựng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Như vậy, cơ cấu và chất lượng tài sản của Công ty diễn biến tích cực sau khi đã thực hiện nộp 270.428 triệu đồng cho Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	Năm 2021		Năm 2022		%Thay đổi 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	376.352	74,70%	185.192	50,07%	-50,79%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000	9,92%	75.000	20,28%	50,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	36.540	7,25%	37.330	10,09%	2,16%
Hàng tồn kho	27.851	5,53%	28.085	7,60%	0,84%
Tài sản ngắn hạn khác	13.103	2,60%	44.243	11,96%	237,66%
Cộng	503.846	100%	369.850	100%	-26,59%



Tài sản ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng hơn 50% bởi tiền và các khoản tương đương tiền, với tổng giá trị lên đến 185.192 triệu đồng, tuy nhiên trong năm 2022 lượng tiền và tương đương tiền giảm mạnh đến 50,79% do tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng giảm mạnh để nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung (năm 2014 - 2021) cho Cục thuế Đồng Nai. Trong khi đó, Đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty – tiền gửi kỳ hạn 5, 6 tháng tăng thêm 25.000 triệu đồng; các khoản phải thu ngắn hạn tăng nhẹ đạt 37.330 triệu đồng, chiếm 10,09% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

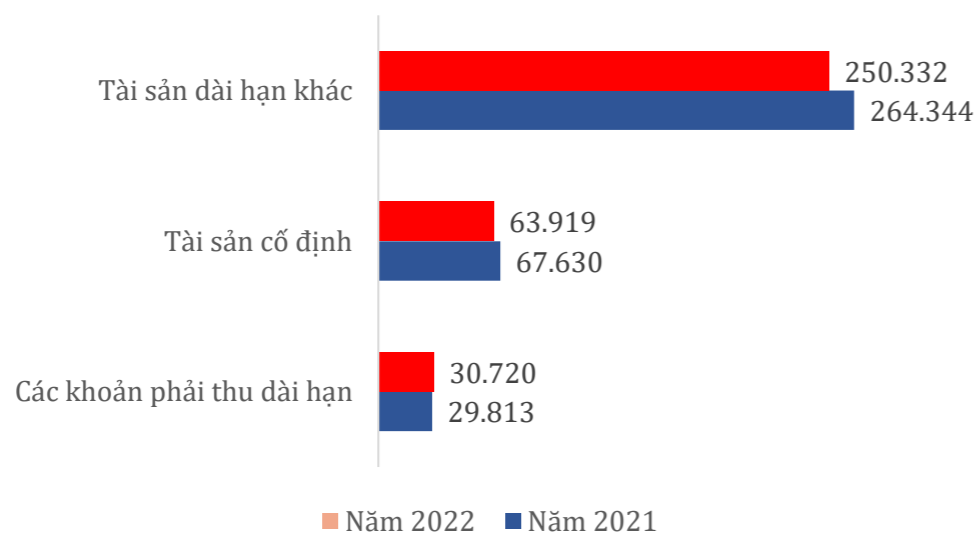
02

Tình hình tài chính (tiếp theo)

Cơ cấu tài sản dài hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu tài sản dài hạn	Năm 2021		Năm 2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	29.813	8,24%	30.720	8,90%	3,04%
Tài sản cố định	67.630	18,69%	63.919	18,53%	-5,49%
Tài sản dở dang dài hạn	-	0,00%	53	0,02%	-
Tài sản dài hạn khác	264.344	73,07%	250.332	72,55%	-5,30%
Cộng	361.787	100%	345.024	100%	-4,63%



Trong năm 2022, các khoản mục trong cơ cấu tài sản dài hạn của BBCC vẫn duy trì ổn định so với cùng kỳ năm trước với tổng giá trị đạt 345.024 triệu đồng giảm 4,63% so với năm 2021 do tài sản dài hạn khác giảm 5,30%.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	% Thay đổi 2022/2021
Nợ phải trả	218.964	25,30%	185.354	25,93%	-15,35%
- Nợ ngắn hạn	218.964	25,30%	185.354	25,93%	-15,35%
- Nợ dài hạn	-	0,00%	-	0,00%	-
Vốn chủ sở hữu	646.669	74,70%	529.520	74,07%	-18,12%
Tổng nguồn vốn	865.633	100,00%	714.874	100,00%	-17,42%

Trong năm 2022, BBCC chỉ có nợ ngắn hạn và không có nợ dài hạn, nợ phải trả của Công ty ghi nhận giảm 15,35% so với năm trước đạt 185.354 triệu đồng. Với việc không có nợ dài hạn, BBCC sẽ không phải đối mặt với áp lực trả nợ dài hạn trong tương lai, giúp nâng cao sức khỏe tài chính cho Công ty. Biến động cùng chiều với nợ phải trả, năm nay vốn chủ sở hữu của Công ty cũng ghi nhận giảm 18,12% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty vẫn duy trì ổn định qua các năm.



03

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động theo hướng ngày càng tinh gọn, chất lượng và gia tăng năng suất, Ban điều hành Công ty tiếp tục chỉ đạo các xí nghiệp, đơn vị phối hợp cùng Phòng Tổ chức thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình, số lượng lao động tại tất cả các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, tổ, đội sản xuất để tham mưu đề xuất sắp xếp, bố trí lại lao động, hoặc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác sao cho phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ và tình hình sức khỏe của người lao động một cách hợp lý, hài hòa nhằm khai thác, phát huy năng lực làm việc của người lao động, nâng cao hiệu quả và trách nhiệm cá nhân ở mọi vị trí công tác, giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh, đồng thời qua đó thu nhập của người lao động cũng được cải thiện và nâng lên tương ứng. Đầu năm 2022, Công ty có 671 lao động, đến cuối năm còn 653 (số lao động giảm đều do đến tuổi nghỉ hưu hưởng chế độ hoặc xin nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân).

Với phương châm “Chất lượng, hiệu quả cao nhất là mục tiêu sống còn của BBCC”, vì vậy, công ty thường xuyên tăng cường áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất, đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và không ngừng cải tiến, nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và sử dụng máy móc, thiết bị một cách hiệu quả nhằm tiết kiệm nhiên liệu để bảo vệ môi trường.



04

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
Sản xuất sản phẩm đá các loại	m ³	5.900.000
Tiêu thụ sản phẩm đá các loại	m ³	6.000.000
Doanh thu, trong đó:	đồng	964.739.200.000
- Tiêu thụ sản phẩm đá	đồng	931.050.000.000
- Tiêu thụ sản phẩm đất, cát	đồng	22.500.000.000
- Kinh doanh VLXD	đồng	1.189.200.000
- Giao thông và Xây dựng	đồng	10.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	đồng	130.000.000.000

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NĂM 2023

Theo nhận định tình hình năm 2023, khi một số công trình giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ được triển khai, đẩy mạnh tiến độ thi công, tiêu biểu là các tuyến cao tốc như: Cao Lãnh- An Hữu, Châu Đốc- Cần Thơ- Sóc Trăng, Cao tốc TP HCM- Mộc Bài, Bến Lức- Long Thành, Dầu Giây- Tân Phú, Biên Hòa- Vũng Tàu cùng các tuyến đường kết nối sân bay Long Thành, nhà ga sân bay, đường vành đai 3, đường ven sông Cái, đường trục trung tâm TP. Biên Hòa, v.v.. thì nhu cầu đá xây dựng để cung cấp cho các dự án này là rất lớn, đây sẽ là cơ hội để BBCC đẩy mạnh sản xuất, tăng doanh thu.

Tuy nhiên trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, bất lợi khi những dự án lớn, trọng điểm về hạ tầng giao thông khu vực miền Đông và Tây Nam bộ chưa triển khai hoặc đẩy mạnh tiến độ thi công, thị trường bất động sản đang rơi vào giai đoạn ngưng trệ, thanh khoản sụt giảm nghiêm trọng, nhiều dự án trong tình trạng đóng băng, không triển khai được vì vướng các thủ tục pháp lý, hoặc thiếu nguồn vốn do chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát của Ngân hàng Nhà nước.... Mặt khác, do ảnh hưởng của lạm phát và những bất ổn của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới; cộng với tình hình chiến sự giữa Nga và Ucraina ngày càng khốc liệt, kéo dài; các nguy cơ về một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng hiện hữu v.v.. Qua đó, đã tác động rất lớn đến tất cả các lĩnh vực, ngành, nghề kinh tế- xã hội nói chung và hoạt động tiêu thụ sản phẩm đá của Công ty nói riêng.

Về tình hình đất đai, khó khăn lớn nhất hiện nay đối với Công ty là thủ tục thuê đất đối với phần diện tích đã đền bù và gia hạn đối với phần diện tích hết thời hạn thuê tại các mỏ Thạnh Phú, Thiện Tân, Tân Cang, Soklu và Bến thủy nội địa Phù Sa, v.v.. dù Công ty liên tục đeo bám các sở, ngành có liên quan để tác động, đốc thúc đề nghị xem xét, sớm giải quyết các hồ sơ, thủ tục giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, cũng như thực hiện tốt nhất nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tiến độ giải quyết hồ sơ đất đai trong thời gian qua là rất chậm và gần như bị ách tắc do vướng các quy định chông chéo của các bộ, ngành và nhiều lý do khách quan tại các sở, ban, ngành có liên quan. Bên cạnh đó, việc đền bù phần diện tích còn lại tại các mỏ đá: Tân Cang 1, Thiện Tân 2 và Thạnh Phú 1 phải chờ Quốc hội thông qua Luật Đất đai sửa đổi cũng như chờ Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai mới; mặt khác thủ tục gia hạn giấy phép khai thác và mở rộng mỏ đá Soklu 2, Soklu 5 phức tạp, khó khăn, mất rất nhiều thời gian, trong khi trữ lượng và nhất là thời gian khai thác còn lại tại hai mỏ này rất ít.



Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

Biện pháp triển khai thực hiện

Công tác tổ chức

Tiếp tục rà soát các vị trí làm việc của lực lượng lao động gián tiếp ở các xí nghiệp, đơn vị đến bộ phận sản xuất kết hợp đánh giá năng lực, kỹ năng làm việc để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp, bố trí lao động theo hướng giao thêm việc, thu gọn từng bộ phận và triển khai, hướng dẫn, đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy định của Công ty đã ban hành. Trong trường hợp bảo vệ đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân, Công ty sẽ không tuyển dụng bổ sung mà bố trí, sắp xếp lại các chốt trực hoặc thực hiện thuê dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp nhằm đảm bảo bộ máy ngày càng gọn nhẹ nhưng vẫn hoạt động linh hoạt, nhịp nhàng, hoàn thành tốt khối lượng, chất lượng và hiệu quả công việc ở từng vị trí.

Công tác sản xuất kinh doanh

Thực hiện công tác khảo sát, đánh giá, phân tích nhu cầu của thị trường để xây dựng chính sách giá, chính sách khách hàng, chính sách sản phẩm trong đó chú trọng tăng tỷ lệ sản phẩm chính để tăng giá trị gia tăng với giá cả hợp lý; chủ động theo dõi sát sao tình hình, diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, tình hình triển khai những dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông tại các khu vực và trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để đưa ra các giải pháp sản xuất- kinh doanh kịp thời, phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Công tác quản lý

Thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất- kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khoan- nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; thường xuyên cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ con người, phương pháp, môi trường làm việc để nâng cao năng suất; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v., đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực.

Công tác thực hiện

Tiếp tục triển khai đẩy mạnh bốc và tiêu thụ đất tầng phủ tại các mỏ đá của Công ty, thực hiện khai thác hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên hướng đến phát triển bền vững.

Rà soát, xin chủ trương HĐQT thanh lý những máy móc, thiết bị hết khấu hao, hoặc giá trị còn lại ít, thường xuyên hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả. Mặt khác, đánh giá nhu cầu các xe máy, thiết bị chủ lực v.v.. khi thật sự cần thiết sẽ xin chủ trương HĐQT phân kỳ thực hiện đầu tư một cách hợp lý, nhằm kịp thời bổ sung, đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất ổn định, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ đá của thị trường khi các dự án lớn tại khu vực, các đường kết nối cùng nhà ga sân bay Long Thành được tập trung đẩy mạnh thi công.

Thường xuyên rà soát, hoàn tất thủ tục thuê đất đối với những diện tích đền bù đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định; xin chủ trương HĐQT tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng, đền bù hoàn chỉnh phần diện tích còn lại tại các mỏ đá trực thuộc khi có các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai sửa đổi năm 2023.

Biện pháp triển khai thực hiện

Công tác an toàn lao động bảo vệ môi trường

Lãnh đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc cần phối hợp với tổ chức Công đoàn đặc biệt quan tâm và tiếp tục triển khai thực hiện thật tốt các công tác về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ và công tác chăm sóc sức khoẻ cho người lao động; tổ chức thực hiện nghiêm quy định “không an toàn, không sản xuất”, “sản xuất phải an toàn”; đảm bảo thực hiện triệt để các quy định của Công ty về bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy, thiết bị; mỗi CB-CNV lao động cần nêu cao nhận thức về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và liên tục cải tiến quản lý môi trường nhằm đạt được các kết quả hoạt động môi trường ngày càng tốt hơn.

Môi trường làm việc

Tập thể lãnh đạo Công ty tăng cường bám sát thực tế, kịp thời hỗ trợ, xử lý những khó khăn, vướng mắc ở các xí nghiệp, đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời lắng nghe, chia sẻ, gắn với tổ chức thực hiện tốt nhất các chế độ chính sách đối với người lao động trong điều kiện pháp luật cho phép và sự đồng thuận của cổ đông; nhưng đồng thời đòi hỏi mỗi cán bộ, công nhân viên lao động phải luôn nhất quán với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phải nỗ lực tạo ra hiệu quả cao nhất trong công việc và luôn giữ vững bản sắc, thương hiệu, tinh thần đoàn kết, sáng tạo trong lao động sản xuất kinh doanh.



05

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo kiểm toán độc lập do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C phát hành:

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Công ty chưa điều chỉnh hồi tố tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 theo các Thông báo của Cơ quan Thuế số 14/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 15/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 26/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022, số 28/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 và số 32/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 với tổng số tiền là 270.428.101.331 VND vào Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (xem thuyết minh VI.7). Nếu Công ty điều chỉnh hồi tố tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 theo các Thông báo của Cơ quan Thuế thì khoản mục “Chi phí khác” (mã số 32) năm nay sẽ giảm đi 270.428.101.331 VND và khoản mục “Giá vốn hàng bán” (mã số 11) năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giảm xuống 404.850.886 VND, khoản mục “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã số 51) Năm trước tăng lên 80.970.177 VND, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) tăng lên 323.880.709 VND. Đồng thời khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” (mã số 421^a) sẽ giảm xuống 216.324.481.065 VND và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” đầu năm (mã số 313) sẽ giảm xuống số tiền 54.085.620.266 VND trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty giải trình như sau:

Công ty nhận thấy việc không điều chỉnh hồi tố tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021, theo các Thông báo của Cơ quan Thuế số 14/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 15/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 26/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022, số 28/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 và số 32/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 với tổng số tiền là 270.428.101.331 VND vào Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 mà ghi nhận tại thời điểm thực nộp số tiền này vào ngân sách nhà nước (tháng 6 và tháng 7/2022) là phù hợp với quy định tại Mục 2.34, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

BBCC đặc biệt quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, với sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Giám đốc. Các hoạt động được thực hiện từ việc hợp đồng với đơn vị đào tạo an toàn lao động cho CBCNV, xây dựng kế hoạch và đánh giá rủi ro. BBCC cũng định kỳ kiểm tra và đảm bảo thực hiện các nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, bảo vệ tài sản và an toàn vệ sinh lao động. Cán bộ và lực lượng chuyên trách được chỉ đạo để đeo bám thực tế, giám sát và nhắc nhở người lao động nâng cao ý thức tự bảo vệ. Nhờ các hoạt động này, công tác an toàn lao động của BBCC trong năm 2022 được đảm bảo và duy trì tốt. Ngoài ra, Công ty cũng đảm bảo việc đào tạo chuyên môn, chăm sóc sức khỏe và khuyến khích nhân viên đóng góp ý kiến mới, phản hồi và chia sẻ ý kiến. Công ty cam kết đảm bảo việc làm và duy trì mức thu nhập ổn định cho nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn coi trọng các hoạt động vì cộng đồng - xã hội, xem đó là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty luôn tuân thủ phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc tạo mối liên kết với cộng đồng, nơi doanh nghiệp hoạt động và đóng góp vào sự lan tỏa của các giá trị xã hội. Công ty cũng đảm bảo việc thực hiện các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, bao gồm chăm sóc và hỗ trợ các hoạt động của cộng đồng, đào tạo kỹ năng cho nhân viên và khuyến khích các ý kiến đóng góp để cải thiện tương lai phát triển bền vững.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2022	%Thực hiện/Kế hoạch 2022
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.274.618	821.426	155,17%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-23.254	-120.000	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-23.254	-120.000	-

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo dõi sát sao tình hình thực tế của Công ty để đề ra các Nghị quyết, Quyết định phù hợp và kịp thời. Định kỳ, Hội đồng quản trị tổ chức các buổi họp để đánh giá, chỉ đạo và quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Hội đồng quản trị luôn tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp, lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất.

Nền kinh tế Việt Nam nói chung, ngành vật liệu xây dựng và BBCC nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với bản lĩnh vững vàng, biến khó khăn thành động lực, phát huy sức mạnh nội lực cùng với các giải pháp, biện pháp được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, chặt chẽ, hợp lý trong từng thời điểm cụ thể đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ về doanh thu, nộp ngân sách, các chế độ phúc lợi, thu nhập đối với người lao động tiếp tục được bảo đảm.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rất cao những nỗ lực mà tập thể Ban điều hành, cùng toàn thể cán bộ- công nhân viên lao động Công ty BBCC đã thực hiện trong năm 2022. Qua đó, thể hiện sự quyết tâm, đồng thuận vì mục tiêu, nhiệm vụ chung của tập thể BBCC từ những công nhân trực tiếp sản xuất đến lao động gián tiếp tại các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc và bộ phận chuyên viên, tham mưu khối Văn phòng Công ty, là minh chứng cho tinh thần đoàn kết, chủ động, vượt khó, đã tạo nên chuỗi giá trị cốt lõi của Công ty.



02

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các Thành viên điều hành khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, đồng thời luôn sâu sát nắm bắt thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh tại tất cả các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để kịp thời kiểm tra, chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao những biện pháp, giải pháp mà Ban Điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2022. Ban Điều hành đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, luôn tích cực, chủ động thực hiện và giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty đúng quy định của pháp luật; đã điều hành, triển khai và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường, đặc biệt đã tập hợp, phát huy được sức mạnh nội lực, sự đồng thuận, lao động sáng tạo, siêng năng, cần cù của cán bộ- công nhân viên, là yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua những khó khăn và thách thức trong năm 2022.



03

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Tên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội tại các địa bàn Công ty đang hoạt động, HĐQT BCC sẽ tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong những năm qua, quyết liệt triển khai các giải pháp hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung các định hướng trong năm 2023 như sau:

Một là, tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, tập trung hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều biến động, phức tạp và bất ổn; đồng thời nâng cao năng lực quản trị và điều hành doanh nghiệp để đảm bảo khai thác các nguồn lực có hiệu quả nhằm không ngừng phát triển Công ty BCC.

Hai là, thường xuyên chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh tại xí nghiệp, đơn vị trực thuộc nhằm nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đã đề ra. Hội đồng quản trị sẽ luôn hỗ trợ Ban điều hành Công ty, cũng như các phòng ban, xí nghiệp trong công tác liên hệ với các sở, ban, ngành, địa phương... khi cần thiết để hoàn thiện các thủ tục pháp lý trong việc thuê đất (hoặc gia hạn) phần diện tích đã đền bù còn lại tại các mỏ đá, bến thủy nội địa; trả lại những khu đất thuê không còn phù hợp với quy hoạch hoặc nhu cầu và gia hạn giấy phép khai thác, mở rộng mỏ đá Soklu2, Soklu5 nhằm ổn định việc làm cho người lao động tại các xí nghiệp. Bên cạnh đó, tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản

Ba là, với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm và hợp tác kinh doanh mang tính chiến lược lâu dài, Hội đồng quản trị sẽ hỗ trợ Công ty tìm kiếm khách hàng để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đất, đá nhằm đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu vượt kế hoạch, qua đó từng bước nâng tiền lương, thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc



01 Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Xem nội dung tại phần II Báo cáo thường niên.

Hoạt động của HĐQT

Số lượng các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	06/06	100%
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT	06/06	100%
3	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	06/06	100%
4	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	06/06	100%
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	06/06	100%

Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp, 02 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị quyết		
1	21/NQ-HĐQT	06/01/2022	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2	22/NQ-HĐQT	06/01/2022	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021. Thông qua chủ trương áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang năm 2022. Thông qua hạn mức vay vốn năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai. Thông qua chủ trương đầu tư 08 xe tải ben mới. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty. Thông qua kế hoạch khen thưởng năm 2021 (tết Nhâm Dần 2022) cho CB-CNVLĐ Công ty.
3	23/NQ-HĐQT	18/02/2022	Điều chỉnh chủ trương đầu tư 08 xe tải ben mới.
4	24/NQ-HĐQT	18/03/2022	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
5	25/NQ-HĐQT	18/3/2022	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết.
6	26/NQ-HĐQT	18/3/2022	Thông qua quyết toán Quỹ tiền lương người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý và Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021. Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch, Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, Quỹ thưởng của người quản lý Công ty năm 2022. Thông qua chủ trương lắp đặt trạm biến áp 560KVA tại Công trường Thiện Tân - Xí nghiệp Khai thác Đá. Thông qua chủ trương đầu tư lắp đặt trạm 01 cụm máy bơm 315KW công suất 450m ³ /giờ tại Công trường Thiện Tân - Xí nghiệp Khai thác Đá.
7	27/NQ-HĐQT	18/4/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng, bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	28/NQ-HĐQT	18/4/2022	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
9	29/NQ-HĐQT	18/4/2022	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch quý II/2022. Thông qua chủ trương lập lại hồ sơ mời thầu dự án đầu tư 08 xe tải ben mới.
10	30/NQ-HĐQT	04/5/2022	Lùi thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
11	31/NQ-HĐQT	06/6/2022	<p>1.Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p>2.Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p>3. Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.</p> <p>4.Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.</p> <p>5.Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.</p> <p>6.Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã qua kiểm toán.</p> <p>7.Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021; Kế hoạch năm 2022.</p> <p>8.Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty) và kế hoạch năm 2022.</p> <p>9.Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.</p> <p>10.Tờ trình thông qua nội dung Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.</p> <p>11.Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	32/NQ-HĐQT	06/6/2022	Thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông và dự kiến danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
13	33/NQ-HĐQT	03/8/2022	Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền.
14	34/NQ-HĐQT	03/8/2022	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh quý II và 06 tháng đầu năm 2022, kế hoạch quý III/2022. Thông qua chủ trương thanh lý 15 tài sản cố định gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và vật tư, phụ tùng. Thông qua thang lương, bảng lương của Người quản lý và Người lao động Công ty. Thông qua việc sửa đổi Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty.
15	35/NQ-HĐQT	28/10/2022	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch quý IV/2022. Thông qua chủ trương đầu tư 15 xe tải ben mới 100%. Thông qua chủ trương mua máy đo đạc bằng công nghệ định vị vệ tinh GNSS. Thông qua chủ trương tháo dỡ thu hồi trạm cân nguyên liệu số 01, đường dây 22KV và di dời máy nghiền sàng đá số 10 (số 12 cũ), cùng trạm biến áp số 04 (1.00KVA) từ khu chế biến 02 công trường Thạnh Phú đến mỏ đá Tân Cảng 1.
II	Quyết định		
1	15/QĐ-HĐQT	06/01/2022	Ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
2	16/QĐ-HĐQT	18/04/2022	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
3	17/QĐ-HĐQT	18/04/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
4	18/QĐ-HĐQT	18/04/2022	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
5	19/QĐ-HĐQT	05/8/2022	Ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Không có

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị luôn thống nhất, đồng thuận và tập trung cao nhất trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua; luôn theo dõi sát sao tình hình diễn biến thị trường, diễn biến kinh tế - xã hội của đất nước, công tác đầu tư và giải ngân vốn ngân sách đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông; Đồng thời, luôn sâu sát với thực tế hoạt động của Công ty để kịp thời đề ra nghị quyết, quyết định, những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý, hiệu quả trong từng giai đoạn cụ thể, cũng như quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã xem xét cẩn trọng và thống nhất thông qua nhiều vấn đề quan trọng của Công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp, 02 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Qua đó, ban hành 15 nghị quyết và 05 quyết định về các vấn đề liên quan như: xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ; thông qua đơn giá sản phẩm dở dang, kế hoạch thưởng Tết Nguyên đán 2022; thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021, kế hoạch 2022; các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên; miễn nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng, bổ nhiệm Phó Giám đốc; xem xét thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn; thông qua chủ trương đầu tư 23 xe tải mới 100%, chi trả cổ tức năm 2021...



02

Ban kiểm soát

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

Xem nội dung tại phần II Báo cáo thường niên.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp và tích cực tham gia ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, các Quyết định kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện việc quản lý, điều hành một cách hợp lý, đúng pháp luật, phù hợp với tình hình kinh doanh của đơn vị và sự biến động của thị trường.

Qua công tác giám sát trong năm 2022, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện công tác quản lý, điều hành Công ty một cách có hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và tham gia ý kiến về các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp. Thông qua mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Hội đồng quản trị luôn đề cao công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và cân nhắc các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát, từ đó góp phần hoàn thành tốt công tác quản trị của Công ty.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

Những kết quả đạt được

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



02

Ban kiểm toán (tiếp theo)

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm Soát	02/02	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên BKS	02/02	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS	02/02	100%

Nội dung và kết quả các cuộc họp Ban kiểm soát

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với các nội dung sau:

- Xem xét và thông qua các Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2022 nhằm giúp cho Ban kiểm soát hoạt động hiệu quả hơn.
- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2023 và tổ chức triển khai thực hiện.





03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng quản trị					
1	Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	1.140	-	1.140
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	960	168	1.128
3	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	-	168	168
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	168	168
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	840	168	1.008
Ban điều hành					
1	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	840	-	840
2	Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	840	36	876
3	Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	593	-	593
Ban Kiểm soát					
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	600	-	600
2	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	-	126	126
3	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Kiểm soát viên	-	126	126
Tổng cộng			5.813	960	6.773

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	9.401.000 (cá nhân sở hữu: 1.000; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 9.400.000)	20,00%	9.408.400 (cá nhân sở hữu: 8.400; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 9.400.000)	20,02%	Mua 7.400 cổ phiếu
2	Trần Thị Thanh Bình	Người có liên quan	30.000	0,064%	40.000	0,085%	Mua 10.000 cổ phiếu
3	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	5.176.800 (cá nhân sở hữu: 6.800; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,01%	5.195.800 (cá nhân sở hữu: 25.800; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,05%	Mua 19.000 cổ phiếu
4	Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	5.000	0,011%	24.600	0,052%	Mua 19.600 cổ phiếu
5	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	53.940	0,114%	101.040	0,215%	Mua 47.100 cổ phiếu
6	Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	7.600	0,016%	15.600	0,033%	Mua 8.000 cổ phiếu
7	Phan Thị Ngọc Thảo	Người có liên quan	1.200	0,003%	3.900	0,008%	Mua 2.700 cổ phiếu
8	Huỳnh Đường Tài	Trưởng BKS	5.040	0,011%	6.040	0,012%	Mua 1.000 cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị- Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức hướng dẫn để qua đó không ngừng hoàn thiện quản trị công ty nhằm thúc đẩy hoạt động và tăng cường minh bạch thông tin, khả năng tiếp cận của Công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững.

Ngoài việc tập trung thực hiện đạt kết quả tốt nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty; việc công khai, minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp, việc công bố thông tin được tập thể Lãnh đạo Công ty quan tâm và chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, kịp thời, đúng thời hạn quy định; bên cạnh đó việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, trả cổ tức được Công ty thực hiện đúng thời hạn theo Luật Doanh nghiệp qua đó đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cổ đông.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Quản trị tài chính - kế toán

Công ty luôn quan tâm áp dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị tài chính- kế toán. Cụ thể, Công ty đang sử dụng chương trình kế toán trên nền tảng web Fast Business online; qua đó giúp cho công tác quản lý, kết nối, truy xuất, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính, quản lý chi phí, theo dõi công nợ, vật tư, hàng tồn kho, vốn lưu động,... được thuận lợi, chính xác, kịp thời.

Quản trị nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến đá với số lượng cán bộ-công nhân viên lao động trên 600 người và có nhiều đơn vị, xí nghiệp trực thuộc, do đó việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp công tác quản lý nhân sự sẽ được thuận lợi, kịp thời, mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý hồ sơ nhân viên, tổng hợp báo cáo lao động, theo dõi tăng, giảm lao động, hưu trí, thống kê trình độ, in hợp đồng lao động,...



Quản trị quan hệ khách hàng

Xây dựng các thủ tục xem xét hợp đồng, hướng dẫn công việc xem xét năng lực cung cấp đá, đánh giá thỏa mãn khách hàng nhằm giao tiếp với khách hàng, quản lý các thông tin của khách hàng từ đó phục vụ khách hàng tốt hơn và thiết lập mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

Tìm kiếm khách hàng mới thông qua sự giới thiệu của khách hàng cũ đã mua hàng của Công ty, chủ đầu tư công trình, gửi catalogue giới thiệu sản phẩm, quảng cáo trên báo đài. Bộ phận bán hàng sẽ tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của khách hàng, tư vấn cho khách hàng loại sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu, mong muốn.

Lập danh sách khách hàng truyền thống có quan hệ hợp tác mua bán lâu dài với Công ty với khối lượng sản phẩm lớn; bộ phận bán hàng thường xuyên theo dõi khối lượng tế tiêu thụ của khách hàng này để biết nguyên nhân tăng, giảm để báo cáo lãnh đạo Công ty có chính sách bán hàng phù hợp.

Định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty phát phiếu thu thập ý kiến khách hàng để thu thập các ý kiến, khiếu nại và đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng để Công ty có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp và giải quyết tốt các khiếu nại của khách hàng nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán bên cạnh xử lý công việc chính liên quan công tác kế toán còn theo dõi thông tin khách hàng, loại khối lượng và doanh thu tiêu thụ. Lưu trữ và quản lý toàn bộ danh sách khách hàng (Thông tin cá nhân: Họ và tên, SĐT, địa chỉ, lịch sử mua hàng,...) dễ dàng tra cứu khi cần thiết.

Hiệu quả thực hiện: Chỉ tiêu doanh thu vượt 55% so với kế hoạch năm 2022; không có khiếu nại nào của khách hàng qua thu thập ý kiến khách hàng năm.

Kế hoạch cải thiện: Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng chủ lực là sản phẩm đá xây dựng trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế hiện có.



Quản trị chất lượng

Công ty đang áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 để xây dựng và kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng.

Hệ thống quản trị chất lượng của Công ty được Tổ chức Bureau Veritas chứng nhận duy trì phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Các loại đá dăm 5-10, 5-20 và 5-40 do Công ty sản xuất được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 chứng nhận phù hợp QCVN 16:2019/BXD.

Kế hoạch cải tiến trong tương lai: Công ty thực hiện cải tiến liên tục trong quá trình vận hành hệ thống quản lý chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu tại điều 10.3 của tiêu chuẩn ISO 9001:2015.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1. Ý kiến kiểm toán**
- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	15 - 37
8. Phụ lục	38

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 3 859 358
- Fax : +84 (0251) 3 859 917

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng	KP4, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	Tổ 93, Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, KP 5, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Soklu	Km 07, Quốc lộ 20, Ấp Nguyễn Huệ 2, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp vận tải và cơ giới	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng	Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ngoài ra Công ty còn có các địa điểm kinh doanh sau:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Bến thủy nội địa Thạnh Phú	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Bến thủy nội địa Thiện Tân	Tổ 1, ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Cảng vật liệu xây dựng Hóa An (Bến Phù Sa)	Tổ 24, ấp 2, phường Tân Hạnh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phụ trách quản trị	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2020
Ông Phạm Quốc Thái	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

315.
TY
HUU
A.TU
C
HOI

T. Đ. NG. V.
HUU
A.TU
C
HOI

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 ktvhn@a-c.com.vn
 Branch in Nha Trang : Lot 5TH05A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 ktvnt@a-c.com.vn
 Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 ktvct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.070/p3/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa điều chỉnh hồi tố tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 theo các Thông báo của Cơ quan Thuế số 14/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 15/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 26/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022, số 28/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 và số 32/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 với tổng số tiền là 270.428.101.331 VND vào Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (xem thuyết minh VI.7). Nếu Công ty điều chỉnh hồi tố tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 theo các Thông báo của Cơ quan Thuế thì khoản mục "Chi phí khác" (mã số 32) năm nay sẽ giảm đi 270.428.101.331 VND và khoản mục "Giá vốn hàng bán" (mã số 11) năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giảm xuống 404.850.886 VND, khoản mục "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" (mã số 51) Năm trước tăng lên 80.970.177 VND, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) tăng lên 323.880.709 VND. Đồng thời khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước" (mã số 421*) sẽ giảm xuống 216.324.481.065 VND và khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" đầu năm (mã số 313) sẽ giảm xuống số tiền 54.085.620.266 VND trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.849.664.421	503.846.526.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	185.192.026.064	376.351.994.905
1. Tiền	111		98.192.026.064	26.351.994.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.000.000.000	350.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.000.000.000	50.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	75.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.329.619.692	36.540.450.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.267.243.203	29.344.424.231
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.057.548.686	1.776.176.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.004.827.803	5.419.850.032
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		28.084.741.081	27.851.294.121
1. Hàng tồn kho	141	V.7	28.209.602.229	28.029.624.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(124.861.148)	(178.330.793)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.243.277.584	13.102.787.419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	145.567.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	44.243.277.584	12.957.219.919
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

 34
 30
 100
 100
 A
 14

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		345.024.049.747	361.786.578.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.720.029.724	29.812.963.689
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	30.720.029.724	29.812.963.689
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.919.019.971	67.630.080.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	63.919.019.971	67.630.080.856
- Nguyên giá	222		562.179.455.441	542.244.979.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(498.260.435.470)	(474.614.898.626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.9	474.300.000	474.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(474.300.000)	(474.300.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.016.667	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	53.016.667	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		250.331.983.385	264.343.533.483
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	245.001.335.212	257.687.574.621
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	5.330.648.173	6.655.958.862
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714.873.714.168	865.633.104.736

 15
 15
 15
 15
 15
 15

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		185.353.644.979	218.964.559.454
I. Nợ ngắn hạn	310		185.353.644.979	218.964.559.454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	34.892.969.486	24.871.886.673
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	14.346.643.061	11.887.139.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	24.067.917.994	68.848.281.842
4. Phải trả người lao động	314	V.17	43.963.312.026	29.685.829.992
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	90.000.000	90.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	6.089.125.194	3.893.377.428
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	61.903.677.218	79.688.044.493
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		529.520.069.189	646.668.545.282
I. Vốn chủ sở hữu	410		529.520.069.189	646.668.545.282
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a, b	470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	21.270.787.461	21.270.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21a	(4.265.424.000)	(3.872.124.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	64.980.085.071	64.980.085.071
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	(22.465.379.343)	94.289.796.750
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		788.676.750	94.289.796.750
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(23.254.056.093)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		714.873.714.168	865.633.104.736

Đỗ Ngọc Hồng Nhung
Người lập

Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.274.618.433.928	941.951.975.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.274.618.433.928	941.951.975.937
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	972.910.155.918	740.388.749.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		301.708.278.010	201.563.226.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.228.340.131	14.743.295.633
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	18.503.982.069	18.526.760.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	59.268.672.043	50.379.302.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		236.163.964.029	147.400.458.874
11. Thu nhập khác	31	VI.6	11.577.832.420	12.086.087.553
12. Chi phí khác	32	VI.7	270.995.852.542	1.298.972.874
13. Lợi nhuận khác	40		(259.418.020.122)	10.787.114.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.254.056.093)	158.187.573.553
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	31.765.171.203
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.254.056.093)	126.422.402.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	(497)	2.283
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	(497)	2.283

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2023


 Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

 Đỗ Ngọc Hồng Nhung
Người lập

 Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.254.056.093)	158.187.573.553
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	24.079.716.982	25.856.502.614
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(53.469.645)	71.043.180
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(12.178.254.326)	(15.760.804.589)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.406.063.082)	168.354.314.758
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.828.609.498)	(22.237.710.494)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.145.333.374	16.505.487.984
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.253.282.924	26.735.270.442
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.831.806.909	6.509.518.475
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(31.079.830.124)	(44.107.268.223)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	17.700.000	31.835.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(17.802.067.275)	(12.260.147.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(63.868.446.772)	139.531.300.397
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10	(20.471.758.569)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.081.818.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(105.000.000.000)	(198.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	80.000.000.000	268.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	12.074.656.500	15.205.341.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.397.102.069)	86.287.159.770

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.21a	(393.300.000)	(434.340.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19;V.21	(93.501.120.000)	(170.489.626.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.894.420.000)	(170.923.966.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(191.159.968.841)	54.894.493.967
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	376.351.994.905	321.457.500.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	185.192.026.064	376.351.994.905

Đỗ Ngọc Hồng Nhung
Người lập

Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

11/03/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thách thức; ảnh hưởng lớn nhất là việc phải nộp bổ sung 270,4 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (giai đoạn từ 2014 đến năm 2021) trong quý 2 và quý 3 năm 2022 theo quyết định của UBND tỉnh và thông báo của Cục Thuế Đồng Nai và thuế tài nguyên tăng do nộp theo giá bán sản phẩm theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính làm cho lợi nhuận Công ty bị âm.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 653 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 671 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.590.598.000	672.363.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	96.601.428.064	25.679.631.905
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	87.000.000.000	350.000.000.000
Cộng	185.192.026.064	376.351.994.905

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án huyện Nhơn Trạch	7.060.602.815	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Lộc Phát	3.491.307.710	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng BMT	2.684.605.572	4.268.806.873
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	1.105.380.665	2.903.940.135
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Sài Gòn IMC	336.866.293	3.310.088.345
Các khách hàng khác	14.588.480.148	18.861.588.878
Cộng	29.267.243.203	29.344.424.231

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	802.000.000	456.072.000
Liên hiệp Khoa học Sản xuất địa chất Nam Bộ	748.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	407.048.686	120.104.000
Cộng	3.057.548.686	1.776.176.000

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	35.808.000	-	685.808.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	463.681.249	-	466.478.664	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	47.834.854	-	48.134.204	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	2.674.058.000	-	2.293.073.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.309.054.795	-	1.536.356.164	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	474.390.905	-	390.000.000	-
Cộng	5.004.827.803	-	5.419.850.032	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ Thạnh Phú 1	6.724.345.077	6.699.651.096
Mỏ Tân Cang 1	5.737.396.994	5.566.298.336
Mỏ Thiện Tân 2	8.604.023.004	8.082.774.426
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	5.554.368.266
Mỏ Soklu 5	4.099.896.383	3.909.871.565
Cộng	30.720.029.724	29.812.963.689

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.025.637.658	-	5.866.149.618	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.171.252.414	-	16.016.020.012	-
Thành phẩm	11.648.672.922	(124.861.148)	5.344.457.225	(178.330.793)
Hàng hóa	364.039.235	-	802.998.059	-
Cộng	28.209.602.229	(124.861.148)	28.029.624.914	(178.330.793)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	178.330.793	107.287.613
Trích lập dự phòng bổ sung	23.952.550	113.904.134
Hoàn nhập dự phòng	(77.422.195)	(42.860.954)
Số cuối năm	124.861.148	178.330.793

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.596.546.035	380.936.610.337	94.671.287.353	3.925.535.757	115.000.000	542.244.979.482
Mua trong năm	-	212.962.963	19.083.171.143	82.500.000	-	19.378.634.106
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.040.107.796	-	-	-	1.040.107.796
Tháo dỡ, thanh lý	-	(484.265.943)	-	-	-	(484.265.943)
Số cuối năm	62.596.546.035	381.705.415.153	113.754.458.496	4.008.035.757	115.000.000	562.179.455.441
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.658.644.641	223.311.711.021	66.686.426.989	3.925.535.757	115.000.000	314.697.318.408
Chờ thanh lý	-	5.444.096.757	2.184.531.203	-	-	7.628.627.960
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	43.457.156.180	345.366.683.834	81.784.508.796	3.891.549.816	115.000.000	474.614.898.626
Khấu hao trong năm	2.606.114.325	14.797.915.779	6.640.325.937	35.360.941	-	24.079.716.982
Tháo dỡ, thanh lý	-	(434.180.138)	-	-	-	(434.180.138)
Số cuối năm	46.063.270.505	359.730.419.475	88.424.834.733	3.926.910.757	115.000.000	498.260.435.470
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	19.139.389.855	35.569.926.503	12.886.778.557	33.985.941	-	67.630.080.856
Số cuối năm	16.533.275.530	21.974.995.678	25.329.623.763	81.125.000	-	63.919.019.971
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính đã khấu hao hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	19.431.650.773	19.378.634.106	53.016.667
Công trình lắp đặt mới máy bơm nước công suất 315Kw – Xí nghiệp khai thác Đá Thiện Tân	-	1.040.107.796	1.040.107.796	-
Cộng	-	20.471.758.569	20.418.741.902	53.016.667

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	54.816.565.653	56.574.769.790
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	4.162.640.184	5.517.405.797
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	65.273.704.373	68.156.520.076
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	116.678.849.698	122.888.811.618
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Chi phí bồi thường thiệt hại môi trường	894.036.000	1.043.028.000
Chi phí hỗ trợ kinh phí sửa chữa nút nhà hộ dân	810.041.594	1.096.541.630
Chi phí trả trước dài hạn khác	86.250.000	131.250.000
Cộng	245.001.335.212	257.687.574.621

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 22.221.593.416 VND

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nam Phong	3.359.299.680	5.164.952.540
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	3.635.711.867	3.554.231.137
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	4.575.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	23.322.957.939	16.152.702.996
Cộng	34.892.969.486	24.871.886.673

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bảo Gia Minh	1.995.916.305	75.013.300
Các khách hàng khác	12.350.726.756	11.812.125.726
Cộng	14.346.643.061	11.887.139.026

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.526.676.950	-	75.901.868.099	(76.000.176.525)	7.428.368.524	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.235.677.134	-	-	(31.079.830.124)	-	26.844.152.990
Thuế thu nhập cá nhân	248.891.486	-	4.410.561.011	(4.386.649.940)	272.802.557	-
Thuế tài nguyên	51.909.909.565	-	132.114.879.326	(171.158.553.635)	12.866.235.256	-
Tiền thuê đất	-	12.957.219.919	8.475.828.222	(11.428.000.000)	-	15.909.391.697
Phí bảo vệ môi trường	3.983.601.219	-	41.692.102.369	(42.175.191.931)	3.500.511.657	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	943.525.488	-	296.206.290.856	(298.639.549.241)	-	1.489.732.897
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	1.179.865.499	(1.179.865.499)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	68.848.281.842	12.957.219.919	559.990.395.382	(636.056.816.895)	24.067.917.994	44.243.277.584

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước:	5%
- Sản phẩm khác:	10%; 8%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.254.056.093)	158.187.573.553
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	1.032.462.677	638.282.461
Thu nhập chịu/tính thuế	(22.221.593.416)	158.825.856.014
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	31.765.171.203

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000	7%
- Đất phún sỏi	65.000	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước sinh hoạt	4.000	3%
- Nước sản xuất	7.000	8%
- Cát khai thác tuyển rửa trên bờ	272.000	15%
- Đá thành phẩm	Giá cao hơn giữa giá bán bình quân theo từng nhóm đá (doanh thu theo nhóm chia sản lượng theo nhóm) và giá quy định theo từng nhóm đá (theo quyết định của UBND tỉnh)	10%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	VND/m ³	VND/tấn
- Đất gạch:	2.200	
- Đất san lấp:	2.200	
- Cát xây dựng:	4.400	
- Đá nguyên liệu:		3.003

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các thông báo của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Quý tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	-	791.368.638
Công ty TNHH Xây dựng Đỗ Lý - chi phí nhân công, vật tư, máy thi công phải trả	3.137.174.192	1.292.251.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phúc Nguyễn	649.207.200	1.000.008.200
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thanh Thủy	875.380.221	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.427.363.581	809.749.590
Cộng	6.089.125.194	3.893.377.428

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Chuyển quỹ phúc lợi sang Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	37.639.406.390	17.700.000	(9.657.040.000)	-	28.000.066.390
Quỹ phúc lợi	40.152.302.068	-	(5.967.597.165)	(281.094.075)	33.903.610.828
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.896.336.035	-	(2.177.430.110)	281.094.075	-
Cộng	79.688.044.493	17.700.000	(17.802.067.275)	-	61.903.677.218

21. Vốn chủ sở hữu
21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.437.784.000)	52.337.844.836	170.594.733.199	710.765.581.496
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(434.340.000)	-	-	(434.340.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	126.422.402.350	126.422.402.350
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.642.240.235	(32.237.712.599)	(19.595.472.364)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(170.489.626.200)	(170.489.626.200)
Số dư cuối năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.872.124.000)	64.980.085.071	94.289.796.750	646.668.545.282
Số dư đầu năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.872.124.000)	64.980.085.071	94.289.796.750	646.668.545.282
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(393.300.000)	-	-	(393.300.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(23.254.056.093)	(23.254.056.093)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(93.501.120.000)	(93.501.120.000)
Số dư cuối năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(4.265.424.000)	64.980.085.071	(22.465.379.343)	529.520.069.189

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	230.300.000.000	230.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư KSB	45.000.000.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	194.700.000.000	194.700.000.000
Cộng	470.000.000.000	470.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.000.000	47.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.000.000	47.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	47.000.000	47.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(249.440)	(226.440)
• Cổ phiếu phổ thông	(249.440)	(226.440)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.750.560	46.773.560
• Cổ phiếu phổ thông	46.750.560	46.773.560
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số phân phối trong năm nay
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	12.642.240.235	12.642.240.235	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	17.699.136.329	17.699.136.329	-
Thưởng Ban điều hành năm 2021	1.896.336.035	1.896.336.035	-
Chia cổ tức năm 2021	93.501.120.000	-	93.501.120.000
Cộng	125.738.832.599	32.237.712.599	93.501.120.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	54.103.491.469	39.552.419.647
Trên 1 năm đến 5 năm	208.475.678.927	138.270.144.801
Trên 5 năm	435.170.252.502	303.276.284.283
Cộng	697.749.422.898	481.098.848.731

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm.

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với số tiền 5.965.381.142 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi (số đầu năm là 5.965.381.142 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	867.500.749.300	653.385.295.675
Doanh thu xây dựng	29.898.526.747	15.023.657.273
Doanh thu bán hàng hóa	296.056.911.024	230.026.911.498
Doanh thu khác	81.162.246.857	43.516.111.491
Cộng	1.274.618.433.928	941.951.975.937

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 46.270.000 VND (năm trước là 0 VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

29

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất, đá xuất bán	610.408.954.364	495.336.813.512
Giá vốn hoạt động xây dựng	28.605.843.541	13.833.671.113
Giá vốn hàng hóa xuất bán	255.390.969.213	189.228.687.745
Giá vốn khác	78.504.388.800	41.989.577.090
Cộng	972.910.155.918	740.388.749.460

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.847.355.131	14.357.530.633
Lãi tiền ký quỹ bảo vệ môi trường	380.985.000	385.765.000
Cộng	12.228.340.131	14.743.295.633

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.325.095.930	5.888.977.533
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	150.870.127	843.455.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.131.976.881	1.438.890.840
Chi phí vận chuyển, gia công	4.475.472.108	2.064.807.666
Các chi phí khác	7.420.567.023	8.290.628.653
Cộng	18.503.982.069	18.526.760.681

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	33.282.240.802	27.258.466.111
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.278.954.015	986.261.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.003.946	1.390.366.320
Chi phí sửa chữa thiết bị	14.836.865.139	12.273.606.126
Các chi phí khác	8.840.608.141	8.470.602.330
Cộng	59.268.672.043	50.379.302.555

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	1.017.508.956
Thu nhập từ bán vật tư	-	418.181.818
Thu nhập từ bán phế liệu	1.128.989.025	684.052.712
Thừa kiểm kê	936.286.203	540.250.979
Thu nhập từ giảm tiền thuê đất (*)	9.402.486.604	9.318.628.421
Thu nhập khác	110.070.588	107.464.667
Cộng	11.577.832.420	12.086.087.553

(*) Khoản thu nhập từ việc được giảm tiền thuê đất dựa vào Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2021 về việc giảm tiền thuê đất năm 2021 và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư, vật liệu	-	416.066.593
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	61.399.074	34.762.388
Chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021(*)	270.428.101.331	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	417.000.000	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	50.085.805	-
Chi phí khác	39.266.332	848.143.893
Cộng	270.995.852.542	1.298.972.874

(*) Khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 theo Thông báo nộp tiền số 14/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 15/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 30 tháng 3 năm 2022, số 26/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022, số 28/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 và số 32/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Cục thuế Đồng Nai.

8. Lãi trên cổ phiếu
8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.254.056.093)	126.422.402.350
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(17.699.136.329)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	(1.896.336.035)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(23.254.056.093)	106.826.929.986
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.756.672	46.782.328
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(497)	2.283

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	46.773.560	46.798.960
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(16.888)	(16.632)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.756.672	46.782.328

Theo kết quả thanh tra Bộ Tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa số 646/TCTCNTP-HDTV ngày 04 tháng 10 năm 2022, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lại số liệu năm 2021, thực hiện kê khai và nộp bổ sung thuế tài nguyên năm 2021 vào Ngân sách Nhà nước số tiền 43.507.839.569 VND. Do đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.912 VND xuống còn 2.283 VND.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228.794.695.086	152.218.521.121
Chi phí nhân công	136.181.498.988	113.409.691.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.079.716.982	25.856.502.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.917.354.753	173.664.875.179
Chi phí khác	352.159.119.904	289.139.573.197
Cộng	976.132.385.713	754.289.164.039

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Huỳnh Xuân Đạo- Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.140.000.000	-	1.140.000.000
Huỳnh Kim Vũ- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty	960.000.000	168.000.000	1.128.000.000
Nguyễn Quốc Phòng- Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Nguyễn Thanh Tùng- Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Phạm Quốc Thái- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Nguyễn Xuân Việt- Phó Giám đốc Công ty	840.000.000	-	840.000.000
Nguyễn Hùng Thắng- Phó Giám đốc Công ty	840.000.000	36.000.000	876.000.000
Trần Quốc Triều- Kế toán trưởng Công ty	593.333.333	-	593.333.333
Huỳnh Đường Tài- Trưởng Ban kiểm soát	600.000.000	-	600.000.000
Nguyễn Thị Thu Trà- Kiểm soát viên	-	126.000.000	126.000.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc- Kiểm soát viên	-	126.000.000	126.000.000
Cộng	5.813.333.333	960.000.000	6.773.333.333

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước			
Ông Huỳnh Xuân Đạo - Chủ tịch Hội đồng quản trị	971.818.182	94.182.000	1.066.000.182
Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	1.060.909.091	73.818.000	1.134.727.091
Ông Nguyễn Quốc Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Ông Huỳnh Đường Tài - Trưởng Ban Kiểm soát	600.000.000	-	600.000.000
Bà Huỳnh Huy Anh Thư - Kiểm soát viên	-	57.750.000	57.750.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà - Kiểm soát viên	-	126.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm soát viên	-	68.250.000	68.250.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng - Người phụ trách thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	907.272.727	36.000.000	943.272.727
Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Cộng	5.220.000.000	960.000.000	6.180.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty chiếm 49% vốn cổ phần trong Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch trả cổ tức cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai với số tiền là 46.060.000.000 VND (năm trước là 83.944.350.000 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu khai thác đá vật liệu xây dựng (chiếm trên 90,00% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động xây dựng công trình đường N23 và Khu tái định cư Phước An là không thường xuyên (chiếm 2,35%) và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Sai sót

Theo kết quả thanh tra Bộ Tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa số 646/TCTCNTP-HĐTV ngày 04 tháng 10 năm 2022. Công ty thực hiện kê khai và nộp bổ sung thuế tài nguyên năm 2021 vào Ngân sách Nhà nước số tiền 43.507.839.569 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 3b. **Ảnh hưởng của việc áp dụng chuẩn mực thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót**
 Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
NỢ PHẢI TRẢ	300	189.553.259.906	29.411.299.548	218.964.559.454	
Nợ ngắn hạn	310	189.553.259.906	29.411.299.548	218.964.559.454	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	34.042.010.187	34.806.271.655	68.848.281.842	(i)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	85.083.016.600	(5.394.972.107)	79.688.044.493	(ii)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	676.079.844.830	(29.411.299.548)	646.668.545.282	
Vốn chủ sở hữu	410	676.079.844.830	(29.411.299.548)	646.668.545.282	
Quỹ đầu tư phát triển	418	68.460.712.237	(3.480.627.166)	64.980.085.071	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	120.220.469.132	(25.930.672.382)	94.289.796.750	(iv)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	696.880.909.891	43.507.839.569	740.388.749.460	(i)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	245.071.066.046	(43.507.839.569)	201.563.226.477	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	190.908.298.443	(43.507.839.569)	147.400.458.874	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	201.695.413.122	(43.507.839.569)	158.187.573.553	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40.466.739.117	(8.701.567.914)	31.765.171.203	(i)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	161.228.674.005	(34.806.271.655)	126.422.402.350	
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	201.695.413.122	(43.507.839.569)	158.187.573.553	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(16.772.569.127)	43.507.839.569	26.735.270.442	(i)

- (i) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 Việc điều chỉnh tăng giá vốn đá xuất bán dẫn đến lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 43.507.839.569 VND và do đó làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 8.701.567.914 VND.
- (ii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi
 Việc điều chỉnh tăng giá vốn đá xuất bán số tiền 43.507.839.569 VND và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 8.701.567.914 VND dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 34.806.271.655 VND, do đó làm giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5.394.972.107 VND.
- (iii) Quỹ đầu tư phát triển
 Việc điều chỉnh tăng giá vốn đá xuất bán số tiền 43.507.839.569 VND và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 8.701.567.914 VND dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 34.806.271.655 VND, do đó làm giảm quỹ đầu tư phát triển là 3.480.627.166 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Điều chỉnh tăng giá vốn đá xuất bán phần thuế tài nguyên bổ sung năm 2021	(43.507.839.569)
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.701.567.914
Giảm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.394.972.107
Giảm trích quỹ đầu tư phát triển	3.480.627.166
Cộng	(25.930.672.382)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính
Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.192.026.064	-	376.351.994.905	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	29.267.243.203	-	29.344.424.231	-
Các khoản phải thu khác	35.013.142.519	-	34.032.392.853	-
Cộng	324.472.411.786	-	489.728.811.989	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	34.892.969.486	24.871.886.673
Các khoản phải trả khác	6.179.125.194	3.192.008.790
Cộng	41.072.094.680	28.063.895.463

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày năm tài chính kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Đỗ Ngọc Hồng Nhung
Người lập

Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

449
ĐỒNG
TRUỆM
N VÀ
81
7.PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA


Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.437.784.000)	52.337.844.836	170.594.733.199	710.765.581.496	
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm trước	-	-	(434.340.000)	-	-	(434.340.000)	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	126.422.402.350	126.422.402.350	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	12.642.240.235	(32.237.712.599)	(19.595.472.364)	
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(170.489.626.200)	(170.489.626.200)	
Số dư cuối năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.872.124.000)	64.980.085.071	94.289.796.750	646.668.545.282	
Số dư đầu năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.872.124.000)	64.980.085.071	94.289.796.750	646.668.545.282	
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(393.300.000)	-	-	(393.300.000)	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(23.254.056.093)	(23.254.056.093)	
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(93.501.120.000)	(93.501.120.000)	
Số dư cuối năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(4.265.424.000)	64.980.085.071	(22.465.379.343)	529.520.069.189	


Đỗ Ngọc Hồng Nhung
Người lập


Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng


Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, P. Bửu Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3859 358

Email: congybbcc@gmail.com

Website: www.bbcc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2023



Huyền Xuân Dao